

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN TRỰC NINH
TRƯỜNG MẦM NON TRỰC THẮNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

NAM ĐỊNH – 2023

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN TRỰC NINH
TRƯỜNG MẦM NON TRỰC THẮNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

| TT | Họ và tên | Chức danh, chức vụ | Nhiệm vụ | Chữ ký |
|-----------|------------------|---------------------------|---------------------------|---------------|
| 1 | Đỗ Thị Lụa | Hiệu trưởng | Chủ tịch hội đồng TĐG | |
| 2 | Nguyễn Thị Hoàn | Phó hiệu trưởng | Phó chủ tịch hội đồng TĐG | |
| 3 | Trần Thị Mến | Giáo viên | Ủy Viên | |
| 4 | Hoàng Thị Thoa | CTCD- Giáo viên | Thư ký- Ủy Viên | |
| 5 | Vũ Thị Nhài | Giáo viên | Ủy Viên | |
| 6 | Phạm Thị Duyên | Giáo viên | Ủy Viên | |
| 7 | Phạm Thị Hằng | Giáo viên | Ủy Viên | |
| 8 | Đỗ Thị Là | Giáo viên | Ủy Viên | |

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | Trang |
|--|--------------|
| Danh mục và chữ ký của các thành viên hội đồng tự đánh giá | |
| Mục lục | 01 |
| Danh mục các chữ viết tắt | 03 |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | 04 |
| Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU | 06 |
| Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ | 10 |
| A. ĐẶT VẤN ĐỀ | 10 |
| B. TỰ ĐÁNH GIÁ | 13 |
| I. Tiêu chuẩn đánh giá Mức 1, Mức 2 và Mức 3 | 13 |
| Tiêu chuẩn 1 | 13 |
| Tiêu chí 1.1 | 13 |
| Tiêu chí 1.2 | 18 |
| Tiêu chí 1.3 | 22 |
| Tiêu chí 1.4 | 27 |
| Tiêu chí 1.5 | 31 |
| Tiêu chí 1.6 | 33 |
| Tiêu chí 1.7 | 36 |
| Tiêu chí 1.8 | 39 |
| Tiêu chí 1.9 | 42 |
| Tiêu chí 1.10 | 44 |
| Tiêu chuẩn 2 | 50 |
| Tiêu chí 2.1 | 50 |
| Tiêu chí 2.2 | 53 |
| Tiêu chí 2.3 | 56 |
| Tiêu chuẩn 3 | 60 |
| Tiêu chí 3.1 | 60 |
| Tiêu chí 3.2 | 63 |
| Tiêu chí 3.3 | 65 |
| Tiêu chí 3.4 | 67 |
| Tiêu chí 3.5 | 70 |
| Tiêu chí 3.6 | 73 |
| Tiêu chuẩn 4 | 77 |
| Tiêu chí 4.1 | 77 |
| Tiêu chí 4.2 | 81 |
| Tiêu chuẩn 5 | 86 |

| | |
|--------------------------------------|-----|
| Tiêu chí 5.1 | 86 |
| Tiêu chí 5.2 | 90 |
| Tiêu chí 5.3 | 94 |
| Tiêu chí 5.4 | 97 |
| II. Tiêu chuẩn đánh giá Mức 4 | 102 |
| Khoản 1, Điều 22 | 102 |
| Khoản 2, Điều 22 | 103 |
| Khoản 3, Điều 22 | 104 |
| Khoản 4, Điều 22 | 105 |
| Khoản 5, Điều 22 | 106 |
| Khoản 6, Điều 22 | 107 |
| III. KẾT LUẬN CHUNG | 109 |
| | |

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

| TT | Nội dung | Ký hiệu viết tắt |
|-----------|---------------------------------|-------------------------|
| 1 | Ban giám hiệu | BGH |
| 2 | Ban chấp hành | BCH |
| 3 | Ban đại diện cha mẹ | BĐDCM |
| 4 | Cán bộ, giáo viên, nhân viên | CB, GV, NV |
| 5 | Cơ sở vật chất | CSVC |
| 6 | Công nghệ thông tin | CNTT |
| 7 | Chất lượng giáo dục | CLGD |
| 8 | Đồ dùng, đồ chơi | ĐĐDC |
| 9 | Giáo dục và đào tạo | GD&ĐT |
| 10 | Giáo dục mầm non | GDMN |
| 11 | Giáo viên chủ nhiệm | GVCN |
| 12 | Hợp đồng lao động | HĐLĐ |
| 13 | Phụ huynh học sinh | PHHS |
| 14 | Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh | TNCSHCM |
| 15 | Trung học cơ sở | THCS |
| 16 | Ủy ban nhân dân | UBND |
| 17 | Xã hội hóa giáo dục | XHHGD |

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá theo từng tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3

| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Kết quả | | | |
|----------------------------|-----------|-------|-------|-------|
| | Không đạt | Đạt | | |
| | | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| <i>Tiêu chuẩn 1</i> | | | | |
| Tiêu chí 1.1 | | x | x | x |
| Tiêu chí 1.2 | | x | x | |
| Tiêu chí 1.3 | | x | x | x |
| Tiêu chí 1.4 | | x | x | x |
| Tiêu chí 1.5 | | x | x | x |
| Tiêu chí 1.6 | | x | x | x |
| Tiêu chí 1.7 | | x | x | |
| Tiêu chí 1.8 | | x | x | |
| Tiêu chí 1.9 | | x | x | |
| Tiêu chí 1.10 | | x | x | |
| <i>Tiêu chuẩn 2</i> | | | | |
| Tiêu chí 1.1 | | x | x | x |
| Tiêu chí 2.2 | | x | x | x |
| Tiêu chí 2.3 | | x | x | x |
| <i>Tiêu chuẩn 3</i> | | | | |
| Tiêu chí 3.1 | | x | x | x |
| Tiêu chí 3.2 | | x | x | x |
| Tiêu chí 3.3 | | x | x | x |
| Tiêu chí 3.4 | | x | x | x |
| Tiêu chí 3.5 | | x | x | x |
| Tiêu chí 3.6 | | x | x | |
| <i>Tiêu chuẩn 4</i> | | | | |
| Tiêu chí 4.1 | | x | x | x |
| Tiêu chí 4.2 | | x | x | x |
| <i>Tiêu chuẩn 5</i> | | | | |
| Tiêu chí 5.1 | | x | x | x |
| Tiêu chí 5.2 | | x | x | x |
| Tiêu chí 5.3 | | x | x | x |
| Tiêu chí 5.4 | | x | x | x |
| Cộng | | 25 | 25 | 19 |

Kết quả: Đạt Mức 3

1.2. Đánh giá theo Mức 4

| Tiêu chí (Khoản, Điều) | Kết quả | | Ghi chú |
|------------------------------|---------|-----------|---------|
| | Đạt | Không đạt | |
| Tiêu chí 1, Khoản 1, Điều 22 | | x | |
| Tiêu chí 2, Khoản 2, Điều 22 | | x | |
| Tiêu chí 3, Khoản 3, Điều 22 | | x | |
| Tiêu chí 4, Khoản 4, Điều 22 | | x | |
| Tiêu chí 5, Khoản 5, Điều 22 | | x | |
| Tiêu chí 6, Khoản 6, Điều 22 | | x | |

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường đạt Mức 3

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Mầm non Trục Thắng.

Tên trước đây: Trường mầm non xã Trục Thắng

Cơ quan chủ quản: UBND huyện Trục Ninh

| | | | |
|--|------------|------------------------------|------------------------|
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | Nam Định | Họ và tên hiệu trưởng | Đỗ Thị Lụa |
| Huyện/quận /thị xã / thành phố | Trục Ninh | Điện thoại | 0962772919 |
| Xã / phường/thị trấn | Trục Thắng | Fax | tructhang.mn@gmail.com |
| Đạt CQG | | Website | Có |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 1993 | Số điểm trường | 02 |
| Công lập | Có | Loại hình khác | Không |
| Tư thục | Không | Thuộc vùng khó khăn | Không |
| Trường chuyên biệt | Không | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | Có |
| Trường liên kết với nước ngoài | Không | | |

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

| Số nhóm, lớp | Năm học 2018 - 2019 | Năm học 2019 - 2020 | Năm học 2020 - 2021 | Năm học 2021 - 2022 | Năm học 2022 - 2023 |
|----------------------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|
| Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi | 3 | 4 | 3 | 3 | 3 |
| Số lớp mẫu giáo 3- 4 tuổi | 3 | 4 | 5 | 5 | 5 |
| Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi | 3 | 5 | 4 | 4 | 4 |
| Số lớp mẫu giáo 5 -6 tuổi | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 |
| Cộng | 13 | 17 | 16 | 15 | 16 |

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

| TT | Số liệu | Năm học 2018 - 2019 | Năm học 2019 - 2020 | Năm học 2020 - 2021 | Năm học 2021 - 2022 | Năm học 2022 - 2023 |
|-----|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| I | Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo | 17 | 17 | 16 | 16 | 16 |
| 1 | Phòng kiên cố | 17 | 17 | 16 | 16 | 16 |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| II | Khối phòng phục vụ học tập | 1 | 1 | 2 | 2 | 2 |
| 1 | Phòng kiên cố | 1 | 1 | 2 | 2 | 2 |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| III | Khối phòng hành chính quản trị | 6 | 6 | 10 | 10 | 10 |
| 1 | Phòng kiên cố | 6 | 6 | 10 | 10 | 10 |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| IV | Khối phòng tổ chức ăn | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 |
| | Cộng | 28 | 28 | 32 | 32 | 32 |

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a. Số liệu tại thời điểm TĐG: Số liệu tính đến ngày 10/5/2023

| | Tổng số | Nữ | Dân tộc | Trình độ đào tạo | | | Ghi chú |
|-----------------|------------|----|------------|-------------------|--------------|---------------|------------|
| | | | | Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn | |
| Hiệu trưởng | 01 | 01 | Kinh | | | 1 | |
| Phó Hiệu trưởng | 01 | 01 | Kinh | | | 1 | |
| Giáo viên | 24 | 24 | Kinh | 3 | 5 | 16 | |
| Nhân viên | 11 | 11 | Kinh | 10 | 0 | 1 | |
| Cộng | 40 | 40 | | 13 | 05 | 19 | |

b. Số liệu của 5 năm gần đây:

| TT | Số liệu | Năm học 2018 - 2019 | Năm học 2019 - 2020 | Năm học 2020 - 2021 | Năm học 2021 - 2022 | Năm học 2022 - 2023 |
|----|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| 1 | Tổng số giáo viên | 26 | 32 | 26 | 24 | 24 |
| 2 | Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ) | 16 | 12 | 12 | 16 | 14 |
| | Tỷ lệ giáo viên/ nhóm lớp | 1,5 | 2 | 2 | 1,5 | 1,5 |
| 3 | Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú) | 15 | 15 | 23 | 16 | 20 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 1 | 0 | 0 | 1 | 1 |
| 6 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | Các số liệu khác (nếu có) | | | | | |

4. Trẻ em: Số liệu chung

| TT | Số liệu | Năm học 2018 - 2019 | Năm học 2019 - 2020 | Năm học 2020 - 2021 | Năm học 2021 - 2022 | Năm học 2022 - 2023 |
|----|---|--------------------------|----------------------------|--------------------------|--------------------------|--|
| 1 | Tổng số trẻ em | 524 | 471 | 491 | 434 | 443 |
| | - Nữ | 244 | 189 | 232 | 175 | 232 |
| | - Dân tộc | | | | | |
| | Đối tượng chính sách | 10 nghèo 28 cận nghèo | 4 nghèo 24 cận nghèo | 01 nghèo 20 cận nghèo | 01 nghèo 17 cận nghèo | 01 nghèo 01 khuyết tật 16 cận nghèo |
| | Khuyết tật | | | | | |
| | Tuyển mới | 98 | 72 | 72 | 68 | 81 |
| | Học 2 buổi/ngày | 524 | 471 | 491 | 434 | 443 |
| 2 | Bán trú | 513 | 461 | 485 | 430 | 440 |
| 3 | Tỷ lệ trẻ em/lớp | 30 | 30 | 34 | 30 | 27 |
| 4 | Tỷ lệ trẻ em/nhóm | 25 | 24 | 24 | 23 | 27 |
| 5 | - Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi | | | | | |
| 6 | - Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi | | | | | |
| 7 | - Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi | 98 | 72 | 72 | 68 | 81 |
| 8 | - Trẻ em từ 3-4 tuổi | 117 | 129 | 138 | 99 | 111 |
| 9 | - Trẻ em từ 4-5 tuổi | 150 | 120 | 144 | 117 | 110 |
| 10 | Trẻ em từ 5-6 tuổi | 159 | 150 | 137 | 150 | 140 |
| 11 | Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt | | | | | |
| 12 | Các số liệu khác (nếu có) | | | | | |

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trực Thắng nằm ở phía nam huyện Trực Ninh, Phía Bắc giáp xã Trực Đại; Phía nam giáp xã Hải Phong; Phía Đông giáp xã Hải Đường; Phía Tây giáp xã Trực Thái được chia thành 14 xóm hành chính.

Xã Trực Thắng có diện tích tự nhiên là 594,2 ha. Diện tích đất nông nghiệp là 433,56 ha, đất phi nông nghiệp là 160,63 ha. Tổng dân số toàn xã có 9.158 người, với 2.838 hộ gia đình trong đó có 10% đồng bào theo đạo Thiên Chúa. Là một xã thuần nông có thêm một số nghề sản xuất như: Nghề nón lá, đóng bi, cây cảnh, xưởng may công nghiệp nên đã tạo được nhiều việc làm cho các lao động trên địa bàn xã.

Thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/HU ngày 17/12/2020 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXV về tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo giai đoạn 2020-2025, góp phần thực hiện thành công nhiệm vụ xây dựng huyện đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao; Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 04/3/2021 triển khai thực hiện Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXV về tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo giai đoạn 2020-2025. Trong những năm gần đây phong trào giáo dục được Đảng bộ và nhân dân xã Trực Thắng quan tâm sâu sắc, cơ sở vật chất các trường học được đầu tư xây dựng cơ bản đáp ứng yêu cầu sự nghiệp giáo dục hiện nay. Giáo dục xã Trực Thắng tiếp tục đạt được những kết quả phấn khởi như chất lượng giáo dục ổn định và phát triển bền vững.

Trên địa bàn xã có 3 trường học: 01 trường Mầm non, 01 trường Tiểu học, 01 trường THCS. Những năm gần đây các trường THCS, Tiểu học và mầm non đều được đánh giá là đơn vị tiên tiến và tiên tiến xuất sắc, trường Tiểu học Trực Thắng đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2, đạt chuẩn Quốc gia mức độ I, đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn; Trường THCS đạt chuẩn quốc gia mức độ II, đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn; trường Mầm non Trực Thắng đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, đạt chuẩn Quốc gia mức độ II, đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn cấp tỉnh.

Trường Mầm non Trực Thắng được hình thành và phát triển đến nay đã hơn 40 năm. Ngay từ khi mới thành lập, trường có nhiều khu lớp nhỏ lẻ nằm rải rác ở các xóm theo lũy tre làng, trường chưa ra trường, lớp chưa ra lớp. Song với sự đoàn kết, phấn đấu, quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân đến tháng 8 năm 2011 trường được quy hoạch tập trung về 2 khu; tháng 11/2017 trường khởi công xây dựng 8 phòng học, 9 phòng chức năng tại khu trung tâm; 9/2018, trường hoàn thành đưa vào sử dụng; đến tháng 5/2019 tiếp tục khởi công xây dựng 1 nhà đa năng và đưa vào sử dụng tháng 11/2019.

Hiện nay, trường mầm non Trục Thắng có 16 nhóm, lớp khang trang với đầy đủ trang thiết bị phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho trẻ đáp ứng với yêu cầu giáo dục hiện nay. Trường có 40 cán bộ, giáo viên, nhân viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, tận tâm, tận tụy với nghề, yêu nghề, mến trẻ. Trường có nhiều giáo viên đạt danh hiệu giáo viên giỏi cấp huyện, cấp trường và được các cấp tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và Giấy khen. Được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng chính quyền, các ban ngành đoàn thể, hội cha mẹ trẻ đã hỗ trợ và đầu tư kinh phí để bổ sung, sửa chữa về cơ sở vật chất giữ vững và phát huy các tiêu chí trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp – An toàn.

Thực hiện thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia đối với trường Mầm non; Trường Mầm non Trục Thắng đã xác định rõ mục đích của công tác tự đánh giá nhằm giúp trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá và công nhận trường Mầm non đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Từ mục đích đó nhà trường đã tiến hành thành lập Hội đồng tự đánh giá; Xây dựng kế hoạch tự đánh giá; Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng; Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí; Viết báo cáo tự đánh giá và công bố báo cáo tự đánh giá để toàn thể CBGV trong đơn vị thấy rõ thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường theo yêu cầu đánh giá các tiêu chuẩn mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định. Trên cơ sở đó, nhà trường đề ra kế hoạch và các giải pháp cải tiến để khắc phục những hạn chế yếu kém về các tiêu chí trên từng tiêu chuẩn để nâng cao chất lượng các mặt hoạt động, lĩnh vực công tác của nhà trường ngày một tốt hơn.

Nhận thức rõ được tầm quan trọng của tự đánh giá, các thành viên, nhóm công tác trong nhà trường đã chủ động tích cực tham gia thực hiện quy trình tự đánh giá một cách trung thực. Trong quá trình làm việc nhiều vấn đề phức tạp đã nảy sinh như hệ thống, số liệu lưu trữ về nhân sự, về chất lượng, về CSVC chưa thực sự đầy đủ; nhiều báo cáo, công văn có liên quan tới địa phương, ban đại diện cha mẹ trẻ và cấp trên còn thiếu trong kho lưu trữ; nhiều công việc đã làm thực sự có hiệu quả nhưng hồ sơ lưu trữ lại ít được quan tâm; lượng thời gian dành cho công tác tự kiểm tra đánh giá không có nhiều. Tuy vậy, sau một thời gian nỗ lực cố gắng, các khó khăn trên đã từng bước được khắc phục.

Tự đánh giá là dịp để đơn vị nhìn lại những gì mình đã làm được, những gì

còn tồn tại so với quy định tiêu chuẩn để từ đó có định hướng khắc phục trong thời gian ngắn nhất. Đây cũng là một dịp đánh giá xếp loại được tất cả các tổ chức đoàn thể, cán bộ công nhân viên cũng như các lĩnh vực hoạt động của nhà trường một cách khách quan khoa học.

Nhà trường tiến hành tự đánh giá thực chất chất lượng giáo dục để xác định rõ trường đạt cấp độ nào, từ đó đăng kí đánh giá ngoài để cấp trên công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia, giúp nhà trường tiếp tục duy trì và giữ vững chất lượng để phấn đấu đi lên đáp ứng các yêu cầu của bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục, công nhận trường chuẩn quốc gia theo của Thông tư 19 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhận thức rõ được tầm quan trọng của tự đánh giá, hàng năm nhà trường đã tiến hành xây dựng kế hoạch tự đánh giá và tiến hành tự đánh giá một cách nghiêm túc khách quan. Các thành viên của các bộ phận trong nhà trường đã chủ động, tích cực tham gia thực hiện quy trình tự đánh giá. Qua việc tự đánh giá hàng năm, những điểm yếu đã dần được khắc phục, đến nay nhà trường đã đạt các yêu cầu của kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và chuẩn quốc gia mức độ II.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC 1, MỨC 2 VÀ MỨC 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu

Trường mầm non Trục Thắng, huyện Trục Ninh đã có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non và điều kiện thực tế địa phương; có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Năm học 2022 - 2023, trường có 16 nhóm, lớp (nhà trẻ: 03, mẫu giáo: 13). Hội đồng trường được thành lập theo quyết định của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Trục Ninh, có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng của trường hoạt động tích cực, nề nếp sinh hoạt tốt, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Công tác quản lý các hoạt động trong nhà trường được tiến hành nề nếp, khoa học. Thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến 2030, có mục tiêu giáo dục là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một (được quy định tại điều 23- Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019), phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của BCH Đảng bộ xã Trục Thắng về nâng cao chất lượng giáo dục các cấp, tập trung các nguồn lực xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 giai đoạn 2020-2022. Được điều chỉnh bổ sung và thực hiện theo công văn số 1314/SGDDT-GDMN ngày 07/9/2021 của Sở giáo dục và Đào tạo Nam Định, Kế hoạch số 14/KH-GDMN ngày 09/9/2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ GDMN năm học 2021-2022 và điều kiện thực tế của nhà trường. Trong đó phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường được xây dựng theo kế hoạch ngắn hạn cho từng năm học và dài hạn cho giai đoạn 5 năm. [H1-1.1- 01]

Duy trì bền vững và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Phân đầu và phát huy tốt các tiêu chí trường đạt kiểm định cấp độ 3, đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và đạt chuẩn Xanh- Sạch- Đẹp- An toàn cấp tỉnh.

Phân đầu 100% cán bộ, giáo viên được xếp loại khá, tốt trở lên theo đánh giá chuẩn nghề nghiệp, 98,3% giáo viên đạt trình độ đào tạo chuẩn trong đó 90% trên chuẩn về trình độ đào tạo), 80% cán bộ, giáo viên và nhân viên sử dụng thành thạo máy vi tính và các phần mềm ứng dụng trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Xây dựng Hội đồng Sư phạm nhà trường đoàn kết, thân thiện.

Huy động 443 trẻ đến trường, lớp; trong đó nhà trẻ: 81/247, tỷ lệ 32,8% dân số độ tuổi, mẫu giáo 362/403, tỷ lệ 89,8% dân số độ tuổi, trong đó học sinh 5 tuổi 140/140 học sinh, tỷ lệ 100% dân số độ tuổi. Duy trì 16 nhóm, lớp (3 nhóm trẻ và 13 lớp mẫu giáo); 100% nhóm, lớp được học tách triệt để theo độ tuổi, số lượng học sinh/nhóm, lớp đảm bảo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Duy trì kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN, đáp ứng chuẩn kiến thức, kỹ năng theo độ tuổi. Phân đầu chất lượng các lĩnh vực giáo dục đạt từ 95% đến 97%; tỷ lệ suy dinh dưỡng nhẹ cân các độ tuổi 3,2%, suy dinh dưỡng thấp còi 3,3%; Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ nằm trong tốp đầu toàn huyện.

Cải tạo, bổ sung, quy hoạch sân vườn đảm bảo tiêu chí Xanh- Sạch- Đẹp- An toàn; trồng thêm hệ thống cây xanh, cây ăn quả, vườn rau, hệ thống thảm cỏ tự nhiên đảm bảo đáp ứng độ che phủ tối thiểu 50% diện tích sân chơi.

Căn cứ vào mục tiêu của luật giáo dục 2019, nhà trường đã đề ra mục tiêu giáo dục giai đoạn 2020-2025 như sau:

- Xây dựng và phát triển đội ngũ

+ Năng lực chuyên môn của cán bộ, giáo viên phấn đấu được đánh giá đạt loại khá, tốt đạt 100% trở lên.

+ Phấn đấu đến năm 2024 cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng thành thạo ứng dụng CNTT trong quá trình tổ chức các hoạt động, thực hiện hiệu quả Website riêng của nhà trường.

Phấn đấu trong suốt thời gian thực hiện chiến lược không có cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm pháp luật, vi phạm chính sách dân số, không để xảy ra tình trạng mất đoàn kết, khiếu kiện vượt cấp.

- Quản lý học sinh

+ Quy mô phát triển: Số lớp: 16 nhóm lớp.

+ Chất lượng học sinh 5 tuổi đạt 100% khá, giỏi

+ Chất lượng học sinh dưới 5 tuổi đạt từ 95-97% khá, giỏi.

- Xây dựng cơ sở vật chất

+ Huy động nguồn lực xã hội đóng góp, đầu tư cho sự nghiệp giáo dục, tăng cường mua sắm thêm các trang thiết bị, tài sản phục vụ hoạt động dạy học.

+ Xây dựng và bố trí các phòng học, phòng chức năng, các khu vui chơi, trải nghiệm, khu học tập, các công trình phụ trợ, đáp ứng đủ các yêu cầu hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

+ Khẩu hiệu và phương châm thực hiện: "Chất lượng chăm sóc, giáo dục là danh dự của nhà trường- Tư duy giáo dục luôn thay đổi theo nhu cầu xã hội- Hãy dành tất cả những gì tốt đẹp nhất cho trẻ thơ".

b) Phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn 2021-2025 đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Trục Ninh phê duyệt ngày 20/9/2021; Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023 của nhà trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt vào ngày 20/9/2022. [H1-1.1- 02].

c) Phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường được niêm yết công khai tại bảng tin và tại phòng Hội đồng của nhà trường trong thời gian 12 tuần từ ngày 20/9/2022 đến ngày 20/12/2022 theo Quyết định số 28/QĐ-MNTT ngày 20/09/2022 của Hiệu trưởng trường mầm non Trục Thắng về việc niêm yết công khai phương hướng, chiến lược phát triển trường mầm non Trục Thắng giai đoạn 2020-2025, có biên bản niêm yết và biên bản kết thúc niêm yết theo quy định. Sau

90 ngày công khai, 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường đều nhất trí cao với mục tiêu trong phương hướng, chiến lược. [H1-1.1-03]

Mức 2

Nhà trường luôn kết hợp với các tổ chức trong và ngoài nhà trường như: Hội đồng trường, Công đoàn, Thanh tra nhân dân, các tổ chuyên môn, cha mẹ trẻ trong việc thực hiện chiến lược phát triển của nhà trường. Năm học 2022-2023, các tổ chức giám sát của nhà trường thực hiện giám sát việc thực hiện các mục tiêu về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; việc xây dựng phòng học, phòng chức năng, cải tạo cảnh quan môi trường, bổ sung các thiết bị phòng học, phòng chức năng, giám sát hoạt động nuôi dưỡng, việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của giáo viên và kết quả theo mục tiêu, kết quả mong đợi cuối độ tuổi theo chương trình GDMN. Còn một số nhiệm vụ trong phương hướng xây dựng và phát triển nhà trường đang trong quá trình hoàn thành như: quy hoạch, mở rộng thêm diện tích đất phía sau nhà đa năng để xây dựng thêm khu trải nghiệm cho trẻ đáp ứng các tiêu chí trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, xây dựng trường chuẩn quốc gia, trường Xanh-Sạch-Đẹp-An toàn; nâng tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp, hoàn thiện một số phòng chức năng, môi trường giáo dục ngoài lớp học theo tiêu chuẩn kiểm định cấp độ 2. [H1-1.1-01], [H1-1.1-03]

Mức 3

Hằng năm, nhà trường tổ chức họp Hội đồng trường thông qua kế hoạch thực hiện phương hướng chiến lược của nhà trường đồng thời rà soát, bổ sung, sơ kết, đánh giá việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Qua kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học, hội đồng thi đua khen thưởng đề xuất khen thưởng các giáo viên đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đồng thời rà soát, bổ sung, điều chỉnh một số nội dung như: xây dựng trường chuẩn quốc gia; trường Xanh- Sạch- Đẹp- An toàn; tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp chưa hoàn thành theo Kế hoạch. Nội dung phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và ban đại diện cha mẹ trẻ. Trên cơ sở đóng góp ý kiến, nhà trường đã bổ sung, điều chỉnh để phù hợp với điều kiện thực tế. [H1-1.1-01], [H1-1.1-03].

2. Điểm mạnh

Chiến lược của nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục (Điều 23- Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019) và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Đảng Ủy, HĐND, UBND xã Trục Thắng giai đoạn 2020 - 2025; Nhà trường có đầy đủ các nguồn lực phù hợp về cơ sở vật chất, nhận thức đúng đắn của tập thể sư phạm, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc nâng cao chất lượng, vị thế trở thành trường điển hình về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục toàn diện, trường chất lượng cao nằm trong tốp đầu của huyện.

Chiến lược của nhà trường được công khai theo đúng quy định và đã nhận được những đóng góp tích cực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường, từ đó giúp cho việc thực hiện được công khai minh bạch, đem lại hiệu quả và khả thi.

Việc định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh kịp thời là một trong những yếu tố then chốt, quyết định sự thành công của chiến lược, đảm bảo đúng tiến độ và phù hợp với thực tế của trường, của địa phương.

3. Điểm yếu

Hình thức công khai phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường chưa đa dạng, phong phú; nội dung phương hướng, chiến lược chưa nhận được nhiều ý kiến đóng góp của cha mẹ trẻ và cộng đồng, nguồn lực về kinh phí đầu tư cho giáo dục còn hạn chế dẫn đến việc triển khai thực hiện các mục tiêu trong phương hướng, chiến lược còn gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát) | Điều kiện để thực hiện | Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành | Dự kiến kinh phí |
|---|---|---|---|-------------------------|
| Đa dạng hóa các hình thức công khai phương hướng, chiến lược của nhà trường như: Thông báo chiến lược phát triển trên trang Web của trường, trong các cuộc họp cha mẹ trẻ toàn trường; Trên hệ thống loa truyền thanh của địa phương; xây dựng trang thông tin điện tử của trường để công khai rộng rãi hơn. | BGH, Hội đồng trường, GV, Ban văn hóa thông tin của xã, chuyên viên phụ trách CNTT của Phòng GD&ĐT | Hệ thống máy tính kết nối internet, cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng thành thạo CNTT | Trong năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo. | 5.000.000 đ |
| Thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục huy động các nguồn lực đầu tư cho nhà trường đảm bảo thực hiện các mục tiêu trong chiến lược; | BGH, GV, cha mẹ trẻ. Phòng GD&ĐT, | | Năm học 2023 - 2024 và những năm học tiếp theo | |

| | | | | |
|--|-----------------|--|--|--|
| Tăng cường bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ CBQL, GV, NV đáp ứng yêu cầu giáo dục và đảm bảo tiến độ trong phương hướng chiến lược. | BGH nhà trường. | | Năm học 2023 - 2024 và những năm học tiếp theo | |
|--|-----------------|--|--|--|

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|------------|----------------|------------|----------------|------------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | * | Đạt | * | Đạt |
| b | Đạt | --- | | --- | |
| c | Đạt | --- | | --- | |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.

Mức 1

- a) Được thành lập theo qui định;
- b) Thực hiện các chức năng nhiệm vụ, và quyền hạn theo qui định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát.

Mức 2

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hội đồng trường mầm non Trục Thắng được thành lập theo Quyết định số 221/QĐ- GD ngày 26/10/2016, được kiện toàn theo Quyết định số 177 ngày 05/11/2021 của Trường Phòng Giáo dục và Đào tạo Trục Ninh, gồm 07 thành viên, do Bà: Đỗ Thị Lụa - Hiệu trưởng nhà trường làm chủ tịch Hội đồng, đồng chí: Trần Thị Yên là thư kí hội đồng, các ủy viên bao gồm: Bà: Nguyễn Thị Hoàn- Phó Hiệu trưởng; Bà: Hoàng Thị Thoa- Chủ tịch Công Đoàn Bà: Nguyễn Thị Anh- Bí thư

đoàn thanh niên, Bà: Trần Thị Mến- Tổ trưởng chuyên môn các khối 3 tuổi, 4 tuổi và 5 tuổi, Bà: Phạm Thị Hằng- tổ trưởng chuyên môn khối nhà trẻ, nuôi dưỡng.[H1-1.2-01].

Hàng năm hội đồng thi đua khen thưởng được thành lập theo Quyết định số 06/QĐ- MNTT ngày 10/9/2022 gồm 7 thành viên do đồng chí Đỗ Thị Lua - Hiệu trưởng là Chủ tịch hội đồng, Phó Chủ tịch hội đồng là đồng chí Hoàng Thị Thoa - Chủ tịch công đoàn, đồng chí Trần Thị Yên - Thư kí hội đồng; Các ủy viên gồm các đồng chí: Nguyễn Thị Hoàn - Phó Hiệu trưởng, Trần Thị Mến - Tổ trưởng chuyên môn mẫu giáo, Phạm Thị Hằng - Tổ trưởng chuyên môn nhà trẻ, Nguyễn Thị Anh - Bí thư chi đoàn, Phạm Thị Hiền -Trưởng ban nữ công. [H1-1.2-02]

Hội đồng khoa học (chăm đê tài sáng kiến kinh nghiệm) năm học 2022-2023 được thành lập theo quyết định số 07/QĐ-MNTT ngày 20/9/2022 gồm 7 thành viên do đồng chí Đỗ Thị Lua - Hiệu trưởng là trưởng ban; Phó ban là đồng chí Nguyễn Thị Hoàn - Phó Hiệu trưởng, thư ký là đồng chí Trần Thị Yên; Các ủy viên gồm các đồng chí: Hoàng Thị Thoa - Chủ tịch công đoàn, Trần Thị Mến - Tổ trưởng chuyên môn mẫu giáo, Nguyễn Thị Anh - Bí thư chi đoàn, Phạm Thị Hằng - Tổ trưởng chuyên môn nhà trẻ. [H1-1.2-02]

Hội đồng tự đánh giá được thành lập theo Quyết định số 08/QĐ- MNTT ngày 21/9/2022 theo TT 19/2018/TT-BGDĐT, gồm 7 thành viên do đồng chí Đỗ Thị Lua - Hiệu trưởng làm Chủ tịch hội đồng; Phó Chủ tịch hội đồng là đồng chí Nguyễn Thị Hoàn - Phó Hiệu trưởng; Thư ký hội đồng là đồng chí Trần Thị Yên – Giáo viên khối 5 tuổi; Các thành viên gồm đồng chí: Nguyễn Thị Anh - Bí thư chi đoàn, Phạm Thị Hằng - Tổ trưởng chuyên môn nhà trẻ, Trần Thị Mến - Tổ trưởng chuyên môn mẫu giáo. Trong 5 năm, từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023 nhà trường không có CB, GV, NV bị kỷ luật do đó nhà trường không thành lập Hội đồng kỷ luật.

b) Hội đồng trường đã thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn theo Mục 1, Điều 9, Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Điều lệ trường mầm non, họp 3 lần/năm vào tháng 9, tháng 1, tháng 5. Hội đồng trường đã quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, kế hoạch phát triển của nhà trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 và từng năm học; quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường. Hội đồng trường còn giám sát các hoạt động của nhà trường; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường, có đánh giá, nhận xét theo từng kì. [H1-1.2-01].

Hội đồng Thi đua khen thưởng đã có quy chế hoạt động, xây dựng tiêu chí thi đua, giúp Hiệu trưởng phát động phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh trong nhà trường vào cuối năm học và kết thúc các đợt thi đua. **Hội đồng thi đua khen thưởng hằng năm tổ chức họp vào cuối học kì I (tháng 12) và cuối năm học (tháng 4).**

Hội đồng khoa học (chăm đề tài sáng kiến kinh nghiệm) có nhiệm vụ tư vấn giúp đỡ các thành viên trong nhà trường khi viết sáng kiến kinh nghiệm, chăm, đánh giá và xếp loại sáng kiến kinh nghiệm cấp trường.

Hội đồng tự đánh giá có trách nhiệm triển khai công tác tự đánh giá trường mầm non Trục Thắng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Các hoạt động của hội đồng trường được định kỳ rà soát vào tháng 9 và tháng 01 của năm học. Trong cuộc họp đầu năm, hội đồng đề ra phương hướng hoạt động trong năm học. Các cuộc họp tiếp theo sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình hoạt động. Chủ tịch hội đồng đánh giá, chỉ ra những ưu điểm, hạn chế trong quá trình hoạt động có sự đóng góp ý kiến của các thành viên, từ đó đề ra các biện pháp phát huy những ưu điểm và khắc phục những hạn chế. Hội đồng thi đua khen thưởng được rà soát mỗi năm một lần vào cuối năm học, các hội đồng khác rà soát theo từng tháng. [H1-1.2-04]

Mức 2

Hội đồng trường và các hội đồng khác của nhà trường hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. [H1-1.2-05]

Hội đồng trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, hoạt động hiệu quả: Giám sát việc thực hiện các nghị quyết, kế hoạch và có đánh giá nhận xét theo từng kì, do đó chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ luôn đạt kết quả cao; 100% cán bộ, giáo viên của nhà trường thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, kết quả theo dõi đánh giá trẻ các lĩnh vực đạt từ 95% đến 98%, 100% học sinh 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN và bước vào tiểu học. Năm học 2021-2022, trường được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Cờ dẫn đầu các phong trào thi đua, 3 đồng chí cán bộ giáo viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua và 2 giấy khen của Giám đốc Sở.

Hội đồng Thi đua khen thưởng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, đã phát động các phong trào thi đua trong từng năm học và đề nghị nhà trường khen thưởng các tập thể và cá nhân vào cuối mỗi năm học và kết thúc mỗi đợt phát

động phong trào thi đua. Chính vì vậy chất lượng đội ngũ, chất lượng các cuộc giao lưu, các hội thi và kết quả học tập của trẻ được nâng lên rõ rệt.

Hội đồng khoa học (chăm đẽ tài sáng kiến kinh nghiệm) đã giúp nhà trường phát động phong trào viết sáng kiến kinh nghiệm, lựa chọn những sáng kiến kinh nghiệm tiêu biểu, điển hình dự thi cấp huyện. Trong các năm học 2018- 2019 đến năm học 2022-2023 đã có 15 sáng kiến của đồng chí Đỗ Thị Lua, Nguyễn Thị Hoàn, Vũ Thị Nhài, Phạm Thị Duyên, Hoàng Thị Thoa, Trần Thị Yến, Hoàng Thị Hương, Vũ Thị Huệ, Hoàng Thị Trâm, Phạm Thị Vui, Trần Thị Mến, được Hội đồng khoa học cấp huyện xếp loại tốt.

Hội đồng tự đánh giá đã triển khai thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 21/9/2019 về kiểm định chất lượng giáo dục trong trường mầm non và quy trình tự đánh giá cho toàn thể cán bộ giáo viên, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên và hoàn thiện hồ sơ tự đánh giá trong năm học 2022-2023.

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các hội đồng khác đều được thành lập với cơ cấu và số lượng người theo đúng quy định tại Điều lệ trường mầm non, hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, đã xây dựng được những chuyên đề giúp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ngày càng tiến bộ, cảnh quan nhà trường ngày càng khang trang, chất lượng đội ngũ được nâng lên tạo dựng được niềm tin của cha mẹ trẻ. Hội đồng trường họp thường kỳ hai lần trong một năm học và quyết nghị về mục tiêu chiến lược, tổ chức nhân sự, tài chính, tài sản, giám sát các hoạt động của nhà trường.

Hội đồng trường và các hội đồng khác đã đánh giá, rà soát việc thực hiện các hoạt động một cách thường xuyên giúp nhà trường rút kinh nghiệm trong việc xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trong từng năm học.

3. Điểm yếu

Chưa có nhiều ý kiến bổ sung góp ý vào kế hoạch hoạt động của hội đồng trường và các hội đồng khác.

Kinh phí khen thưởng còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Dự kiến kinh phí |
|--|---------------------------|-------------------------------|----------------------------|-------------------------|
|--|---------------------------|-------------------------------|----------------------------|-------------------------|

| | | | | |
|--|--------------------------|---|---------------------|-------|
| <p>Tổ chức rà soát, đánh giá theo kế hoạch cụ thể và theo định kỳ thường xuyên, các ý kiến đánh giá rà soát phải được bổ sung kịp thời trong biên bản và sổ công khai công bố, thu thập, kiểm tra, rà soát, đánh giá, xử lý các văn bản và đưa vào bổ sung vào kế hoạch hoạt động của hội đồng trường và các hội đồng khác</p> | Ban giám hiệu, giáo viên | Không | Trong năm 2023-2024 | Không |
| <p>Vận động phụ huynh và các cơ quan doanh nghiệp trên địa bàn xã thành lập quỹ khen thưởng để cùng với nhà trường biểu dương khen thưởng kịp thời những cán bộ, giáo viên có thành tích xuất sắc, bé khỏe, bé ngoan.</p> | Ban giám hiệu, giáo viên | Ban đại diện cha mẹ học sinh kết hợp với giáo viên chủ nhiệm và BGH | Trong năm 2023-2024 | Không |

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|---------|---------------|---------|---------------|---------|---------------|
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Đạt | * | Đạt | --- | --- |
| b | Đạt | --- | --- | --- | --- |
| c | Đạt | --- | --- | --- | --- |
| Đạt | | Đạt | | | |

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.

Mức 1

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có Chi bộ Đảng. Ban chi ủy được thành lập theo Quyết định số 14/QĐ-ĐU ngày 15/9/2020 của Đảng ủy xã Trục Thắng Quyết định chuẩn y đồng chí Bí thư, Phó bí thư chi bộ trường mầm non nhiệm kỳ 2020- 2022. Chi bộ tổ chức đại hội nhiệm kỳ 2020-2022 đã xây dựng Nghị quyết, bầu Ban chấp hành. Hằng năm tổ chức sinh hoạt 4 chuyên đề, tổ chức thu đảng phí, phân công nhiệm vụ cho đảng viên, đánh giá xếp loại đảng viên theo quy định. Năm học 2021 -2022, Chi bộ có 16 đảng viên, Bí thư là đồng chí Đỗ Thị Lua - Hiệu trưởng nhà trường, Phó Bí thư là đồng chí Nguyễn Thị Hoàn - Phó Hiệu trưởng. [H1-1.3-01]

Công đoàn nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định của pháp luật và điều lệ công đoàn Việt Nam được Liên đoàn Lao động huyện Trục Ninh công nhận trong Quyết định chuẩn y ban chấp hành công đoàn giai đoạn 2023-2028, công đoàn trường có 35 công đoàn viên, ban chấp hành Công đoàn được Liên đoàn lao động huyện Trục Ninh công nhận theo quyết định số 93/QĐ-LĐLĐ ngày 29/5/2023. Quyết định công nhận Ban chấp hành công đoàn cơ sở và các chức danh trong ban chấp hành công đoàn trường mầm non Trục Thắng gồm 3 đồng chí: Hoàng Thị Thoa - Chủ tịch Công đoàn, Phạm Thị Lĩnh - Phó chủ tịch công đoàn, Phạm Thị Hiền - Ủy viên ban chấp hành. [H1-1.3-01].

Chi đoàn giáo viên gồm 12 đồng chí đoàn viên, có cơ cấu tổ chức theo quy định của pháp luật và điều lệ Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh được Ban chấp hành Đoàn xã Trục Thắng công nhận theo Quyết định số 03-QĐ/ĐTN ngày 15/9/2022, Quyết định công nhận ban chấp hành chi đoàn trường mầm non Trục Thắng nhiệm kỳ 2022-2023 Quyết định công nhận ban chấp hành chi đoàn trường và các chức danh trong ban chấp hành chi đoàn trường mầm non Trục Thắng gồm

3 đồng chí: Nguyễn Thị Anh - Bí thư chi đoàn, Nguyễn Thị Thúy - Phó bí thư chi đoàn, Đỗ Thị Là - Ủy viên ban chấp hành chi đoàn.

b) Công đoàn trường mầm non Trục Thắng tổ chức đại hội nhiệm kỳ 2023 - 2028 vào ngày 01/4/2023, sau khi đại hội ban chấp hành đã họp và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên. Công đoàn đã xây dựng kế hoạch hoạt động theo nhiệm kỳ và từng năm học. Năm học 2022 - 2023, công đoàn xây dựng chương trình hành động với những nội dung nổi bật là: Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; rà soát, tham mưu bổ sung các tiêu chí về cơ sở vật chất để giữ vững và phát huy các tiêu chí trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3, đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và đạt chuẩn Xanh- Sạch- Đẹp- An toàn.

Chi đoàn nhà trường tổ chức đại hội theo năm học 2022-2023 ngày 15/9/2022, sau khi đại hội đã bầu ra bí thư chi đoàn là đồng chí Nguyễn Thị Anh để điều hành các hoạt động của của chi đoàn. Chi đoàn đã xây dựng kế hoạch cụ thể trong từng năm học phối hợp với Công đoàn để thực hiện các hoạt động chung của nhà trường.

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện tốt mục tiêu giáo dục. Công đoàn trường hoạt động theo kế hoạch hoạt động của công đoàn. [H1-1.3-02]

c) Chi bộ có kế hoạch giám sát, thường xuyên rà soát các hoạt động trong các buổi sinh hoạt và gương mẫu đi đầu trong việc thực hiện công tác tư tưởng chính trị, thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn và các nhiệm vụ khác. Hằng năm chi bộ ra quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đảng viên, có kiểm tra thẻ đảng tại chi bộ, có đầy đủ hồ sơ và lưu trữ khoa học. Vào cuối mỗi năm chi bộ tổ chức kiểm điểm tập thể và từng đảng viên, bổ sung lí lịch đảng viên theo quy định. Hằng năm, chi bộ có kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ các quần chúng ưu tú và cử đi học lớp bồi dưỡng đối tượng đảng. Trong nhiều năm liên tục chi bộ không có đồng chí nào bị kỉ luật. Tài chính của chi bộ được thu chi một cách công khai minh bạch.

Công đoàn nhà trường đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục về chủ trương đường lối của đảng, phối hợp với chuyên môn để triển khai nhiệm vụ các năm học, kiểm tra giám sát thực hiện các chế độ chính sách có liên quan đến quyền lợi của người lao động, nắm bắt những bất cập, khó khăn của công đoàn viên.

Chi đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh là lực lượng nòng cốt, luôn gương mẫu và đi đầu trong các hoạt động, đặc biệt là công tác chuyên môn và phong trào văn hóa văn nghệ; theo dõi, bồi dưỡng cho những đoàn viên ưu tú kết nạp vào đảng.

Công đoàn định kỳ 3 tháng họp rà soát, đánh giá một lần và hết học kỳ đánh giá rà soát và ghi trong Biên bản họp công đoàn, Báo cáo sơ kết, tổng kết công đoàn, Chi đoàn hàng tháng và định kỳ hết học kỳ rà soát, đánh giá một lần trong Biên bản họp chi đoàn và Báo cáo sơ kết, tổng kết chi đoàn. [H1-1.3-03]

Mức 2

a) Sau đại hội chi bộ mầm non nhiệm kỳ 2022-2025 vào ngày 27/5/2022 đã bầu ra ban chi ủy chi bộ trường mầm non. Chi bộ trường mầm non được thành lập theo Quyết định số 15 - QĐ/ĐU ngày 27/10/2020 của Đảng ủy xã Trục Thắng Quyết định công nhận Ban chi ủy chi bộ mầm non nhiệm kỳ 2022-2025. Năm học 2022-2023, Chi bộ có 16 đảng viên, Ban chi ủy gồm 3 đồng chí: 01 Bí thư, 01 Phó bí thư, 01 chi ủy viên. Bí thư là đồng chí Đỗ Thị Lụa - Hiệu trưởng nhà trường, Phó Bí thư là đồng chí Nguyễn Thị Hoàn - Phó Hiệu trưởng, chi ủy viên là đồng chí Hoàng Thị Thoa - giáo viên, Chủ tịch công đoàn. Chi bộ Đảng nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam theo hiến pháp và pháp luật của nước Việt Nam, Chi bộ nhà trường có Quyết định và danh sách phân công đảng viên, các đảng viên trong Chi bộ đều được theo dõi trong sổ theo dõi đảng viên của chi bộ mình, đảng viên trong Chi bộ luôn đóng đảng phí đầy đủ theo đúng quy định của điều lệ đảng cộng sản Việt Nam, chi bộ hoạt động theo Kế hoạch đề ra, có nghị quyết chi bộ và mỗi tháng tổ chức họp Chi bộ một lần, ghi vào biên bản họp chi bộ. Từ năm 2020 đến năm 2022, chi bộ đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, nhiều năm liên chi bộ được Đảng bộ xã Trục Thắng đánh giá đạt "Chi bộ trong sạch vững mạnh" tại Quyết định số 09/QĐ/ĐB ngày 30 /12/2022 của Đảng ủy xã Trục Thắng. [H1-1.3-01].

b) Công đoàn, Chi đoàn đều có những đóng góp tích cực cho nhà trường Trong năm 2022, Chi đoàn được UBND xã Trục Thắng tặng giấy khen “Tập thể chi đoàn trường mầm non Trục Thắng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong phong trào thi đua năm 2022”.

Mức 3

a) Từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2022 - 2023, chi bộ trường mầm non hoàn thành nhiệm vụ được giao và được Đảng bộ xã Trục Thắng tặng danh hiệu “ Chi bộ trong sạch vững mạnh” tại Quyết định số 09/QĐ/ĐB ngày 30/12/2022; Trong 3 năm 2020, 2021, 2022 chi bộ giáo dục mầm non được Ban chấp hành đảng bộ xã tặng Giấy khen vì đã có thành tích hoàn thành tốt nhiệm vụ. [H1-1.3-01].

b) Công đoàn, chi đoàn nhà trường có đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và được thể hiện trong báo cáo sơ kết tổng kết công đoàn, chi đoàn và đội văn nghệ nhà trường được UBND huyện tặng giấy khen. Công đoàn được tặng giấy khen số 2477/QĐ-UBND ngày 28/6/2021. [H1-1.3-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức đoàn thể như: Công đoàn, Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Cơ cấu tổ chức các đoàn thể trong nhà trường đảm bảo theo đúng Điều lệ của từng tổ chức. Giúp cho việc điều hành các hoạt động của nhà trường được thuận lợi và mang lại hiệu quả; công đoàn viên có độ tuổi trung bình trẻ, chi đoàn có số lượng đoàn viên đông nên các hoạt động của Đảng, công đoàn, chi đoàn đều được thực hiện đúng, đủ và nhiệt tình trong các hoạt động của nhà trường.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng bộ xã Trục Thắng, chi bộ Đảng nhà trường liên tục đạt danh hiệu “Trong sạch vững mạnh”. Giúp cho nhà trường đã cải tiến được chất lượng chăm sóc, giáo dục, nâng cao hiệu quả của các hoạt động trong nhà trường.

Công đoàn trường, Đoàn thanh niên hoạt động tích cực, đạt hiệu quả cao trong các phong trào thi đua, tham gia sôi nổi các phong trào của nhà trường cũng như của địa phương; tham gia hoạt động bề nổi như văn nghệ, đoàn thanh niên luôn đi đầu trong công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi của xã, của huyện, tham gia các hoạt động cộng đồng như hiến máu nhân đạo, văn nghệ dịp 2-9 của huyện tổ chức.

3. Điểm yếu

Công đoàn viên có nhiều đồng chí có hoàn cảnh khó khăn, chồng công tác xa, con còn nhỏ, kinh tế gia đình còn hạn hẹp nên việc tham gia phong trào công đoàn còn gặp nhiều khó khăn.

Kinh phí hoạt động của chi đoàn còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Dự kiến kinh phí |
|--|--------------------|------------------------|-------------------------|------------------|
| - Phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực, quan tâm đến hoàn cảnh gia đình và vị trí địa lý của các đảng viên chi bộ đảm bảo gần nơi cư trú nhất, tạo điều kiện cho đảng viên trong trường hoàn thành tốt nhiệm vụ | BGH | Không | Trong năm học 2022-2023 | không |

| | | | | |
|--|---------------------------------|--|---|---|
| <p>được giao.</p> <p>- BCH công đoàn thường xuyên quan tâm giúp đỡ những công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn để kịp thời động viên giúp đỡ như gây dựng quỹ để xoay vòng giúp đỡ công đoàn viên, kịp thời thăm hỏi động viên khi công đoàn viên gặp khó khăn</p> <p>- Tham mưu với BGH nhà trường tăng cường kinh phí cho chi đoàn để đoàn hoạt động được thuận lợi hơn</p> | <p>CTCD</p> <p>BCH chi đoàn</p> | <p>Đóng quỹ công đoàn đầy đủ</p> <p>Cân đối ngân sách nhà trường để tăng cường kinh phí hoạt động cho chi đoàn</p> | <p>Trong năm học 2022-2023</p> <p>Trong năm học 2022-2023</p> | <p>Theo 1% lương của cán bộ giáo viên nhà trường</p> <p>1000.000đ/đợt</p> |
|--|---------------------------------|--|---|---|

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|---------|----------------|---------|----------------|---------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | a | Đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | b | Đạt |
| c | Đạt | ----- | | ----- | |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1

- Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2

a) Hàng năm tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất một lần chuyên đề, chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Trường mầm non Trục Thắng có 01 Hiệu trưởng, 01 Phó hiệu trưởng.

- Hiệu trưởng: Đồng chí Đỗ Thị Lua

+ Ngày tháng năm sinh: 24/9/1983

+ Đã được bổ nhiệm Hiệu trưởng trường mầm non Trục Thắng vào tháng 11/2017, thời gian làm Hiệu trưởng là 2 năm. [H1-1.4-01]

- Phó hiệu trưởng 1: Đồng chí Nguyễn Thị Hoàn

+ Ngày tháng năm sinh: 10/6/1975

+ Đã được bổ nhiệm Phó hiệu trưởng trường mầm non Trục Thắng vào tháng 11/2017, thời gian làm Phó hiệu trưởng tại trường là 2 năm. [H1-1.4-01]

Cán bộ quản lý nhà trường có năng lực quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường, nắm vững Chương trình Giáo dục mầm non, nắm vững cách lập kế hoạch giáo dục theo mục tiêu nội dung, hoạt động giáo dục phù hợp với trẻ, định hướng theo quan điểm giáo dục tích hợp lấy trẻ làm trung tâm và không ngừng cải tiến để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ;

Lãnh đạo nhà trường đều biết ứng dụng, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin một cách nhanh nhạy, hiệu quả trong công tác quản lý, chỉ đạo chuyên môn, trong công tác báo cáo trực tuyến, và sử dụng các phần mềm quản lý được ứng dụng thực hiện trong trường mầm non như phần mềm phổ cập, phần mềm dinh dưỡng, phần mềm điều hành văn bản của ngành giáo dục.

b) Trường có 3 tổ chuyên môn và tổ văn phòng, bao gồm: Tổ mẫu giáo có 22 thành viên do đồng chí Trần Thị Mên là tổ trưởng; Tổ chuyên môn nhà trẻ, nuôi dưỡng có 12 thành viên do đồng chí Phạm Thị Hằng là tổ trưởng; Tổ văn phòng có 5 thành viên do đồng chí Trần Thị Yên là tổ trưởng. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức quy định tại Điều 13, 14 - Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành điều lệ trường mầm non. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng do Hiệu trưởng nhà trường ký Quyết định thành lập vào đầu năm học, trên cơ sở ý kiến của các thành viên trong tổ chuyên môn. Tổ chuyên môn có tổ trưởng và tổ phó; tổ trưởng và tổ phó là giáo viên có khả năng, năng lực chuyên môn vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt và được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên hàng năm xếp loại khá trở lên. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng cùng kết hợp với BGH nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ của tổ mình góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Số lượng các thành viên trong tổ do Ban giám hiệu bố trí sắp xếp đáp ứng với yêu cầu nhóm, lớp và phù hợp với khả năng, năng lực của từng người. [H1-1.4-02]

c) Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng căn cứ vào kế hoạch của nhà trường để xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo từng năm học, đề ra các nhiệm vụ, chỉ tiêu, biện pháp phù hợp. Phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng thành viên trong tổ để gắn trách nhiệm thúc đẩy các hoạt động trong tổ. Các tổ chuyên môn hoạt động có hiệu quả và sinh hoạt định kỳ 2 lần/tháng vào tuần 1 và tuần 3 hàng tháng; thực hiện các nhiệm vụ theo đúng quy định tại Điều 13, 14 - Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành điều lệ trường mầm non. [H1-1.4-02]

Mức 2

a) Hằng năm, tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của nhà trường để xây dựng đề xuất một số chuyên đề chuyên môn bám sát các chuyên đề trọng tâm của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, đã có một số chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục như chuyên đề: Xây dựng môi trường giáo dục ngoài lớp học lấy trẻ làm trung tâm, xây dựng trường mầm non Xanh- Sạch- Đẹp- An toàn; xây dựng và khai thác hiệu quả góc thư viện thân thiện tại nhóm, lớp; quản lý, sử dụng hiệu quả đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học; tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thích ứng an toàn, linh hoạt với dịch covid-19, xây dựng kho học liệu trực tuyến dùng chung của nhà trường. [H1-1.4-01]

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng được thể hiện ở báo cáo sơ kết, tổng kết để đánh giá và rà soát, điều chỉnh các hoạt động của tổ.

Mức 3

a) Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; Các tổ chuyên môn đề ra cách thức thực hiện chuyên môn của tổ mình, xây dựng kế hoạch tổ nhóm chuyên môn một cách khoa học, triển khai thực hiện các hoạt động hằng tuần, hằng tháng theo kế hoạch, giúp cho các hoạt động của nhà trường thực hiện có nền nếp và hoàn thành chỉ tiêu đề ra. [H1-1.4-02]

b) Tổ chuyên môn đã thực hiện có hiệu quả chuyên đề giáo dục phát triển vận động, chuyên đề “xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giúp cho chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ các khối lớp được nâng lên, điển hình các chuyên đề bước đầu hiệu quả: quản lý và sử dụng hiệu quả đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học, tổ chức nuôi bán trú trong bối cảnh phòng, chống dịch Covid-19, tổ chức chăm sóc, giáo dục trẻ đáp ứng yêu cầu chương trình GDMN trong bối cảnh phòng, chống dịch Covid, xây dựng và khai thác góc thư viện thân thiện tại nhóm, lớp, xây dựng môi trường trong và ngoài lớp học lấy trẻ làm trung tâm, triển khai áp dụng một phần mô hình Montesori vào chương trình GDMN tại các lớp 3,4,5 tuổi.

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn đạt trên chuẩn, được đào tạo trung cấp lý luận chính trị, bồi dưỡng quản lý giáo dục. Các đồng chí cán bộ quản lý đều có tinh thần cầu thị, trách nhiệm cao trước công việc, có kinh nghiệm trong công tác quản lý và điều hành hoạt động của nhà trường.

Trường có đủ các tổ chuyên môn, tổ văn phòng; các thành viên trong tổ chuyên môn đảm bảo yêu cầu quy định, có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn; có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình, thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ được phân công, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo chương trình giáo dục mầm non.

Tổ chuyên môn đã đề xuất và thực hiện có hiệu quả một số chuyên đề góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được thực hiện theo đúng kế hoạch, có nền nếp góp phần hoàn thành kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường.

3. Điểm yếu

Trường chưa có đủ số lượng cán bộ quản lý theo qui định; Chưa có nhân viên kế toán, văn phòng chuyên trách mà do giáo viên làm công tác kiêm nhiệm do đó do đó công tác quản lý tài chính, văn phòng còn chông chéo và gặp nhiều khó khăn.

Hình thức sinh hoạt chuyên môn chưa đa dạng, phong phú; thời gian dành cho tổ chuyên môn sinh hoạt còn ít, thường họp tranh thủ nên chất lượng của một số buổi sinh hoạt chuyên môn chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát) | Điều kiện để thực hiện | Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành | Dự kiến kinh phí |
|--|--|---|---|----------------------------|
| <p>Tham mưu với Phòng GD&ĐT, UBND huyện Trục Ninh điều chuyển, bổ sung thêm 01 Phó hiệu trưởng.</p> <p>Tập huấn, hướng dẫn giáo viên kiêm nhiệm công tác văn phòng trong việc xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp, hướng dẫn nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho nhân viên; tham mưu với UBND huyện, Phòng GD&ĐT bổ sung nhân viên kế toán cho nhà trường.</p> | Phòng GD&ĐT, BGH, TTCM | Tổ chức lớp tập huấn | Năm học 2022 - 2023 | 4 triệu đồng |
| <p>Sắp xếp thời gian hợp lý đảm bảo thời gian sinh hoạt chuyên môn theo quy định.</p> <p>Tích cực đổi mới, đa dạng hóa hình thức sinh hoạt chuyên môn; tăng cường hoạt động học tập chuyên môn ngoài nhà trường.</p> | BGH, TTCM BGH, TTCM | Kế hoạch sinh hoạt chuyên môn Tổ chức sinh hoạt chuyên môn | Năm học 2022-2023 | Không 10 triệu đồng |

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|---------|----------------|---------|----------------|---------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |

| | | | | | |
|------------|-----|------------|-----|------------|-----|
| a | Đạt | a | Đạt | a | Đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | b | Đạt |
| c | Đạt | --- | --- | --- | --- |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3

Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hằng năm, căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, số trẻ huy động thực tế, số phòng học hiện có, nhà trường phân chia số học sinh trên các nhóm lớp theo mức tối đa đảm bảo số lượng trẻ từng nhóm lớp tại Điều 15 - Thông tư 52/2020/TT- BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành điều lệ trường mầm non. Năm học 2022- 2023, nhà trường có 16 nhóm lớp trong đó có 3 nhóm trẻ 24 - 36 tháng và 12 lớp mẫu giáo. Các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo được phân tách triệt để theo độ tuổi, trong đó có: 4 lớp 5- 6 tuổi; 4 lớp 4- 5 tuổi; 5 lớp 3- 4 tuổi; 03 nhóm nhà trẻ 24- 36 tháng tuổi. [H1- 1.5- 01]

b) 3 nhóm trẻ và 12 lớp mẫu giáo đều được tổ chức học 2 buổi/ngày và nuôi ăn bán trú theo chương trình giáo dục mầm non, được điễm danh và chăm ăn hàng ngày trong Sổ điễm danh và chăm ăn các lớp. [H1-1.5-02]

c) Trong 5 năm từ 2018-2019 đến năm học 2022-2023 trường không có 1 trẻ khuyết tật học hòa nhập.

Mức 2

Số trẻ học tại địa bàn xã trong các nhóm, lớp đảm bảo theo quy định tại Điều 15 - Thông tư 52/2020/TT- BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành điều lệ trường mầm non; được tổ chức 3 nhóm trẻ và 13 lớp mẫu giáo, theo dõi trong sổ điễm danh chăm ăn của các lớp, bảng thống kê số nhóm, số học sinh/lớp.

Trường huy động 443 trẻ đến trường, lớp; trong đó: nhà trẻ 81/247, tỷ lệ 32,8% dân số độ tuổi trên tổng số 3 nhóm, bình quân 27 trẻ/nhóm; mẫu giáo 362/403, tỷ lệ 89,8 % dân số độ tuổi; trong đó lớp 3- 4 tuổi 5 lớp với 111 trẻ, bình quân 22 trẻ/lớp; mẫu giáo 4- 5 tuổi có 4 lớp với 110 trẻ, bình quân 28 trẻ/lớp, mẫu giáo 5-6 tuổi có 4 lớp với 140 trẻ, bình quân 35 trẻ/lớp. [H1-1.5-01].

Mức 3

Tính từ năm học 2018 -2019 đến năm học 2022-2023 nhà trường có từ 13 đến 16 nhóm, lớp với số trẻ từ 434 đến 491 học sinh.[H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Công tác điều tra phổ cập của nhà trường đảm bảo chính xác, do đó việc tham mưu xây dựng phòng học cho nhóm trẻ và lớp mẫu giáo; tham mưu đội ngũ giáo viên, sắp xếp số lượng trẻ/nhóm, lớp khoa học, hợp lý, đảm bảo quy định tại Điều 15- Điều lệ trường mầm non.

Nhà trường có đủ các nhóm, lớp theo số lượng trẻ huy động đến trường, phân chia nhóm, lớp theo đúng độ tuổi. Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo đến trường vượt mức bình quân chung toàn huyện (trẻ 5 tuổi huy động 100% diện phổ cập ra lớp); tỷ lệ nuôi ăn bán trú 100% vượt yêu cầu chung của huyện (95%).

Tỷ lệ chuyên cần của trẻ mẫu giáo đạt trên 95% - 98% nhà trẻ đạt trên 85%-90% trở lên.

Phòng học, phòng chức năng được xây dựng khang trang, sạch sẽ, thoáng mát; diện tích sân chơi bảo đảm quy định, có nhiều chủng loại đồ chơi ngoài trời và thiết bị, đồ chơi Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo

dục và Đào tạo về việc Ban hành điều lệ trường mầm non đảm bảo phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Trẻ nhà trẻ ra lớp còn hạn chế.

Công tác huy động trẻ chưa tập trung vào đầu năm học mà còn rải rác vào các tháng trong suốt năm học nên số trẻ/ nhóm trẻ đầu năm còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát) | Điều kiện để thực hiện | Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành | Dự kiến kinh phí |
|--|--|-------------------------------|--|------------------|
| Tập trung tuyên truyền nâng cao tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp ngay từ đầu năm học. | BGH, giáo viên | Tài liệu tuyên truyền về GDMN | Từ đầu năm học đến cuối học kì I các năm học | |
| Đầu tư trang, thiết bị, đồ chơi hiện đại cho nhóm trẻ. | BGH, phụ huynh | | Năm học 2023-2024 | 50 triệu đồng |
| Tuyên dương, khen thưởng giáo viên trong công tác huy động. | BGH | | Năm học 2021-2022 | 3 triệu đồng |

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|---------|----------------|---------|----------------|---------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | * | Đạt | * | Đạt |
| b | Đạt | --- | | ---- | |
| c | Đạt | --- | | ---- | |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ theo quy định tại chương III, điều 21, điều lệ trường Mẫu non về quản lý hành chính, quản lý chuyên môn, quản lý tài chính, tài sản, hồ sơ các nhóm, lớp, giáo viên, học sinh. Các loại hồ sơ có đầy đủ nội dung, số liệu chính xác, trình bày rõ ràng, khoa học và được lưu trữ đầy đủ theo quy định của Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục, Thông tư 09/2011/TT-BNV của Bộ Nội vụ, đảm bảo quy trình quản lý văn bản đi, đến theo quy định tại Thông tư 07/2012/TT-BNV. Công văn đi, đến của nhà trường được quản lý và lưu trữ đầy đủ trong sổ đăng ký công văn đến, công văn đi, được cập nhật kịp thời, sắp xếp khoa học theo trình tự thời gian năm tài chính. [H1-1.6-01]

b) Đồng chí Nguyễn Thị Anh - giáo viên kiêm nhiệm công tác tài chính nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản của nhà trường theo định kỳ hằng năm trong sổ sách chứng từ về quản lý thu chi các nguồn tài chính, sổ tổng hợp thu chi, sổ quỹ, chứng từ thu chi, sổ theo dõi tài sản nhà trường... Nhà trường kiểm tra tài chính, tài sản 2 lần/ năm vào tháng 6 và tháng 12 hằng năm. Định kì, nhà trường công khai tài chính, tài sản, công khai trong giáo dục theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC, Thông tư

90/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính, Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.[H1-1.6-02]

Trong hội nghị Cán bộ viên chức và người lao động hằng năm, nhà trường đã thảo luận, thống nhất để xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, công khai về tài chính, tài sản. Thường xuyên cập nhật các văn bản chỉ đạo, vào tháng 01 hằng năm nhà trường bổ sung, cập nhật quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với điều kiện thực tế và quy định hiện hành. [H1-1.9-03]

c) Tài chính, tài sản của nhà trường được quản lý chặt chẽ và sử dụng đúng mục đích, đạt hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ: Nhà trường có kế hoạch mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi giai đoạn 2020-2025; Các loại tài sản của nhà trường đều được cập nhật kịp thời, đầy đủ theo trình tự thời gian trong sổ theo dõi tài sản của trường, nhóm, lớp; hằng năm, tổ chức kiểm kê tài sản, lập biên bản thanh lý, biên bản giao nhận theo quy định. [H1-1.6-03]

Mức 2

a) Nhà trường đã sử dụng một số phần mềm để quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường như: Phần mềm phổ cập, cơ sở dữ liệu ngành, Phần mềm điều hành văn bản, giúp cho công tác quản lý đạt hiệu quả cao hơn.

b) Nhà trường được kiểm tra hành chính, tài sản, tài chính định kì theo kế hoạch của cấp trên. Trong 5 năm liên tiếp tính từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023 nhà trường không có vi phạm nào liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán được thể hiện qua Biên bản kiểm tra tài chính năm học. [H1-1.6-02]

Mức 3

Nhà trường xây dựng kế hoạch ngắn hạn như kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học; kế hoạch dài hạn như kế hoạch mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi giai đoạn 2020-2025 để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và thực tế địa phương. [H1-1.6-03]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Công văn đi đến được nhà trường lưu trữ đầy đủ, khoa học; Phối kết hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ trẻ xây dựng kế hoạch ngắn hạn và dài hạn nhằm huy động những nguồn lực của xã hội để mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị đồ dùng đồ chơi của nhà trường.

Kế toán nhà trường có đầy đủ sổ sách chứng từ về quản lý thu chi, các nguồn tài chính của nhà trường được cập nhật đầy đủ đúng thời điểm. Tài chính, tài sản của nhà trường sử dụng một cách có hiệu quả, đúng mục đích, công khai minh bạch.

Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quản lý hành chính, tài sản, tài chính.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có nhân viên văn phòng chuyên trách nên việc sắp xếp hồ sơ chưa thật đảm bảo theo yêu cầu và quy định của Luật lưu trữ và các quy định khác của pháp luật.

Nhân viên kế toán của trường còn do giáo viên kiêm nhiệm, do đó công việc nhiều, việc quản lý tài chính, tài sản còn nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát) | Điều kiện để thực hiện | Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành | Dự kiến kinh phí |
|--|---|-------------------------------|---|-------------------------|
| Nghiên cứu các văn bản về luật lưu trữ. | NV, CB, GV | Các văn bản | Thường xuyên | |
| Tham mưu mở các lớp tập huấn cho nhân viên phụ trách lưu trữ hồ sơ. | PGD | Đăng kí dự các lớp tập huấn | Trong các năm học | |
| Phối kết hợp mọi thành viên trường trong việc lưu trữ hồ sơ. | BGH, NV | BGH, CB, GV | Thường xuyên | |
| Tham mưu với cơ quan quản lý các cấp bổ sung nhân viên Kế toán, văn phòng chuyên trách cho nhà trường. | UBND huyện, Phòng GD&ĐT | | Trong các năm học | |

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|------------|----------------|------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | * | Không đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | ----- | |
| c | Đạt | ----- | | ----- | |
| Đạt | | Đạt | | Không đạt | |

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; cử cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn do các cấp tổ chức như: Bồi dưỡng lý luận chính trị, học tập nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, bồi dưỡng thường xuyên. [H1-1.7-01]

Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ trong kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên của nhà trường theo 3 nội dung, trong đó 2 nội dung bắt buộc và 1 nội dung tự chọn: Nội dung bắt buộc bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học theo cấp học, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục địa phương; nội dung tự chọn bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu phát triển nghề nghiệp liên tục của giáo viên.

b) Hằng năm, nhà trường căn cứ năng lực công tác, hồ sơ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên để tiến hành phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân

viên trong toàn trường: phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể, hợp lí, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cho từng cán bộ, giáo viên và nhân viên theo đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. [H1-1.4-02]

100% thành viên của nhà trường làm việc theo đúng sự phân công, đúng chuyên môn, phù hợp với năng lực, sở trường.

c) Cán bộ, giáo viên, nhân viên được nhà trường tạo điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và các nhiệm vụ chuyên môn theo sự phân công của Hiệu trưởng; được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 29 - Thông tư 52/2020/TT- BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành điều lệ trường mầm non Điều lệ trường Mầm non; được hưởng lương và phụ cấp đầy đủ theo quy định, được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo quy định. [H1-1.7-03]

Mức 2

Nhà trường có biện pháp để phát huy năng lực của CBQL, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục của nhà trường như: phát động các phong trào thi đua, xây dựng quy chế chuyên môn, phân công nhiệm vụ phù hợp, động viên khen thưởng kịp thời và tạo điều kiện để đội ngũ được tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tham quan học tập tại các trường điểm trong huyện; thực hiện công bằng, khách quan trong công tác đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo quy định.

2. Điểm mạnh

Nhà trường tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tính đến năm học 2022-2023, trường có 5 giáo viên có trình độ cao đẳng, 18 cán bộ, giáo viên có trình độ đại học, 03 giáo viên có trình độ trung cấp; tiếp tục có kế hoạch cử 100% giáo viên có trình độ cao đẳng tham gia học lớp đào tạo nâng cao trình độ trên chuẩn đảm bảo yêu cầu Luật giáo dục 2019.

Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn, phát huy tối đa năng lực của cán bộ giáo viên nhà trường. Mọi thành viên được phát huy quyền dân chủ và đảm bảo các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu

Kinh phí dành cho việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ còn hạn chế.

Mức lương giáo viên mầm non còn thấp so với công sức lao động, đặc biệt một số giáo viên trẻ mới ra trường, do đó chưa đảm cuộc sống.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Dự kiến kinh phí |
|--|--------------------------|------------------------|---------------------|------------------|
| Ban giám hiệu nhà trường tham mưu với cơ quan quản lý cấp trên khen thưởng kịp thời để cho giáo viên yên tâm công tác. | Ban giám hiệu BGH, CD | Không | Trong các năm học | Không |
| Huy động các nguồn lực để hỗ trợ thêm cho giáo viên. | BGH, CD | | Các năm học | |
| Cân đối thu chi trong các năm học để hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng cho giáo viên. | BGH | | Các năm học | |

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|------------|----------------|------------|----------------|---------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | * | Đạt | --- | --- |
| b | Đạt | --- | --- | --- | --- |
| c | Đạt | --- | --- | --- | --- |
| Đạt | | Đạt | | | |

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường.

- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ.
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả thực trạng

a) Căn cứ vào Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hướng dẫn nhiệm vụ trọng tâm của ngành, cấp học, Nghị quyết hội đồng nhân dân thị trấn về chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương và điều kiện thực tế, nhà trường xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ từng năm học đảm bảo phù hợp; Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng xây dựng kế hoạch chỉ đạo chuyên môn trên cơ sở bám sát kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của trường; Tổ chuyên môn và giáo viên xây dựng kế hoạch tổ nhóm chuyên môn, kế hoạch giảng dạy, kế hoạch cá nhân triển khai thực hiện nhiệm vụ theo vị trí việc làm; Kế hoạch giảng dạy của giáo viên thể hiện đầy đủ nội dung bài dạy, thường xuyên ghi chép những lưu ý trong nhật ký ngày để kịp thời đánh giá điều chỉnh kế hoạch giáo dục trẻ phù hợp. Tổ dinh dưỡng xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ bám sát kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường; Hệ thống hồ sơ quản lý nuôi dưỡng được cập nhật hằng ngày; Thực đơn nuôi dưỡng được xây dựng theo tuần, mùa, tận dụng nguồn thực phẩm sẵn có tại địa phương; Khẩu phần ăn của trẻ được tính hằng ngày, đảm bảo trẻ được ăn theo đúng thực đơn và đúng định lượng khẩu phần, cơ cấu các chất cân đối đảm bảo quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/04/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Hồ sơ và quy trình nuôi dưỡng được Ban giám hiệu giám sát và ký duyệt đầy đủ. [H1-1.8-01]

b) Kế hoạch chăm sóc, giáo dục của nhà trường được thực hiện đầy đủ theo đúng thời gian trong quyết định số 1727/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND tỉnh Nam Định về quyết định ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Nam Định. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục bám sát khung chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Kế hoạch giảng dạy của giáo viên thống nhất, liên thông với kế hoạch chỉ đạo thực hiện chương trình và các chuyên đề trọng tâm của Phó hiệu trưởng và tổ chuyên môn; Ban giám hiệu thường xuyên kiểm tra việc triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục của giáo viên để có sự điều chỉnh, góp ý kịp thời đảm bảo việc triển khai thực hiện đạt được các chỉ tiêu đã đề ra. [H1-1.8-02]

c) Kế hoạch giáo dục được nhà trường rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời trong sổ kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm học và có những giải pháp để khắc

phục những hạn chế; Kết quả giáo dục trong phiếu đánh giá cuối chủ đề, đánh giá trẻ cuối năm học, đánh giá thông qua bộ công cụ của BGH và giáo viên đều đạt được kết quả theo chỉ tiêu, kế hoạch đề ra.

Mức 2

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ được Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá đạt hiệu quả, cụ thể: Cuối học kì I, học kì II từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023, Phòng Giáo dục và Đào tạo thành lập đoàn kiểm tra chéo cấp huyện kiểm tra, đánh giá chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường đều đạt kết quả tốt. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được Phòng Giáo dục và Đào tạo Trực Ninh đánh giá cao trong Biên bản kiểm tra của đoàn kiểm tra cấp huyện.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo đúng kế hoạch đã xây dựng.

Nhà trường đã có những biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Công tác giám sát đôi khi chưa chặt chẽ, một số giáo viên cao tuổi chưa linh hoạt trong hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát) | Điều kiện để thực hiện | Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành | Dự kiến kinh phí |
|---|--|------------------------|------------------------------------|------------------|
| Xây kế hoạch tổ chức hoạt động nuôi dưỡng của nhà trường huy động sự tham gia đóng góp của phụ huynh, thông báo rộng rãi đến phụ huynh ngay từ đầu năm học. | BGH, TPT, BT Đoàn, GVCN | Nhân lực | Trong các năm học | |

| | | | | |
|---|------------------------------|-----------------------|-------------------|--|
| Hàng năm, Hiệu trưởng ban hành Quyết định thành lập Ban giám sát công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ có thành phần Ban đại diện CM trẻ trong trường. | BGH, Ban đại diện CMHS | Nhân lực | Trong các năm học | |
| Bố trí sắp xếp thời gian phù hợp, lựa chọn phụ huynh có điều kiện tham gia Ban giám sát của trường, đảm bảo việc tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch. | BGH, Ban đại diện CMHS | Nhân lực | Trong các năm học | |
| Ban giám hiệu nhà trường, tổ chuyên môn tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ chăm sóc, giáo dục trẻ cho giáo viên, đặc biệt giáo viên cao tuổi, đáp ứng yêu cầu đổi mới theo chương trình GDMN. | BGH, Tổ chuyên môn | Kinh phí, nhân lực | | |

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|------------|----------------|------------|----------------|---------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | * | Đạt | ----- | |
| b | Đạt | ----- | | ----- | |
| c | Đạt | ----- | | ----- | |
| Đạt | | Đạt | | | |

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp kiến nghị xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1.Mô tả hiện trạng

a) Toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến để xây dựng kế hoạch năm học, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường như: quy chế dân chủ, quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế chuyên môn, quy tắc ứng xử văn hóa...Các ý kiến đóng góp đều được ghi chép đầy đủ trong sổ công bố, công khai, thu thập, rà soát, kiểm tra, đánh giá, xử lý các văn bản.[H1-1.9-01]

b) Trong nhiều năm liền nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Nếu có các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường sẽ giải quyết đúng pháp luật thể hiện trong báo cáo kiểm tra nội bộ, báo cáo ban thanh tra nhân dân, Nghị quyết hội nghị cán bộ CCVC, biên bản hội đồng trường và sổ họp hội đồng của giáo viên [H1-1.9-02].

c) Thành lập ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường gồm các thành viên thuộc cấp ủy chi bộ, BGH, chủ tịch công đoàn, bí thư chi đoàn và tổ trưởng chuyên môn. Ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường thường xuyên giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở của các thành viên trong nhà trường.[H1-1.9-03]

Mức 2

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả được ghi nhận trong Sổ công bố, công khai, thu thập, rà soát, kiểm tra, đánh giá, xử lý các văn bản, Nghị quyết hội nghị CBCCVC, biên bản hội nghị CBCCVC và báo cáo kiểm tra nội bộ của nhà trường. [H1-1.9-02].

Nhà trường đề ra những giải pháp về công tác quản lý, xây dựng đội ngũ nhà giáo, xây dựng cơ sở vật chất trường lớp, mua sắm trang thiết bị dạy học, xây dựng quỹ phúc lợi, làm tốt công tác thi đua khen thưởng.

Trong báo cáo thanh tra nhân dân năm học 2022-2023 thể hiện rõ giám sát việc thực hiện quy chế chuyên môn như dạy đúng, đủ chương trình, đúng tiến độ

và thời gian biểu, thực hiện đúng quy định của ngành, của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định; tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên đúng kế hoạch, đúng quy định; thực hiện đúng quy chế khen thưởng; tổ chức kiểm tra hồ sơ giáo án của giáo viên; giám sát việc thực hiện thu chi trong nhà trường; giám sát các đoàn thể trong nhà trường về mọi mặt hoạt động; giải quyết khiếu nại tố cáo (nếu có).

2. Điểm mạnh

Quy chế dân chủ được nhà trường xây dựng trên cơ sở lấy ý kiến đóng góp của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường; các hoạt động của nhà trường thường xuyên cập nhật những kiến nghị của cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo phù hợp, khoa học.

Nhà trường đã xây dựng đầy đủ các quy chế công khai, dân chủ.

Các thành viên đã nghiêm túc thực hiện các hoạt động theo các quy chế đã xây dựng.

Nhà trường đã có những biện pháp để giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ.

3. Điểm yếu

Cán bộ, giáo viên và cha mẹ trẻ chưa có nhiều ý kiến tham gia, đóng góp trong việc xây dựng và hoàn thiện một số hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Dự kiến kinh phí |
|--|--------------------|------------------------|---------------------|------------------|
| Phổ biến rộng rãi quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của trường mầm non đến gần cộng đồng hơn nữa thông qua hình thức xây dựng trang web của đơn vị và công khai trên webside để thu thập ý kiến sâu rộng hơn | Ban giám hiệu | không | Trong các năm học | không |

| | | | | |
|--|---------------------------|--|-------------------|--|
| Tạo môi trường làm việc thân thiện, cởi mở | BGH, BCH CD, GV, NV | | Trong các năm học | |
| Tạo cơ hội để mọi người được bày tỏ ý kiến | BGH, BCH CD | | Trong các năm học | |

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|---------|----------------|---------|----------------|---------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | * | Đạt | ----- | |
| b | Đạt | ----- | | ----- | |
| c | Đạt | ----- | | ----- | |
| Đạt | | Đạt | | | |

Kết quả: ĐẠT MỨC 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường.

c) Không có hiện tượng kì thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng,

chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả thực trạng

Mức 1

Thực hiện nghiêm túc Quyết định số 46/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về “Xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong các cơ sở GDMN”; Nghị định 80/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, phòng chống bạo lực học đường; Kế hoạch số 150/KH-SGDĐT ngày 28/01/2022, Kế hoạch số 405/KH-SGDĐT ngày 26/3/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo; Kế hoạch số 02/KH-PGDĐT ngày 28/01/2022, Kế hoạch số 07/KH-PGDĐT ngày 30/3/2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về triển khai thực hiện chuyên đề “Đẩy mạnh phòng, chống bạo hành trẻ trong các cơ sở GDMN”; Công văn số 439/SGDĐT-GDMN ngày 31/3/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo, Công văn số 25/PGDĐT ngày 01/4/2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường các giải pháp đảm bảo an toàn trường học, phòng chống bạo hành trẻ em trong các cơ sở GDMN. Hằng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch phòng chống tai nạn thương tích, phòng cháy chữa cháy, phòng chống thiên tai, phòng chống bạo hành trẻ, an ninh trường học; Có các bài tuyên truyền về phòng chống tệ nạn xã hội và bạo hành trẻ, dịch bệnh và vệ sinh môi trường, tuyên truyền về ngày toàn dân đưa trẻ đến trường, kế hoạch VSATTP bám sát tinh thần chỉ đạo của các cấp. Nhà trường có 02 bếp ăn một chiều đủ điều kiện an toàn nuôi dưỡng cho trẻ em. [H1-1.10-01].

Trong nhiều năm qua nhà trường đều bảo đảm an toàn tuyệt đối về sức khỏe, tinh thần cho trẻ và cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường. Xây dựng được môi trường giáo dục thân thiện, an toàn, lành mạnh, không có biểu hiện xúc phạm, hành hạ, ngược đãi, đánh đập hay xâm hại thân thể, sức khỏe... đối với tất cả mọi trẻ em trong nhà trường.

b) Nhà trường có hộp thư góp ý được đặt tại cổng trường, ở vị trí dễ nhìn và thường xuyên có nhiều người qua lại để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân, đảm bảo an toàn cho CBQL, giáo viên, nhân viên.

c) Nhà trường tuyên truyền cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng về bình đẳng giới thông qua các bài tuyên truyền như: tuyên truyền về bình đẳng giới, phòng chống tệ nạn xã hội và bạo hành trẻ; dạy trẻ quy tắc năm ngón tay giúp trẻ có kỹ năng tự bảo vệ mình, tăng cường giáo dục kỹ năng sống về bảo vệ bản thân trong một số tình huống; tuyệt đối không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới, hành vi bạo lực cũng như vi phạm pháp luật trong nhà trường. [H1-1.10-01]

Mức 2

a) Nhà trường phổ biến kế hoạch, lồng ghép hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng chống tai nạn, thương tích; phòng, chống cháy nổ; phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo hành trẻ trong nhà trường thông qua hoạt động sinh hoạt chuyên môn, các cuộc họp.

Kế hoạch được triển khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường và được thực hiện có hiệu quả. Tuyên truyền và vận động giáo viên, giáo dục trẻ cách phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội trong nhà trường, phòng chống cháy nổ, phòng chống thảm họa thiên tai, phòng chống bạo hành trẻ, đảm bảo an ninh trật tự.

Có các biện pháp đảm bảo an toàn cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường như: Tổ chức tập huấn cho cán bộ, giáo viên trong công tác phòng chống thiên tai, bệnh dịch, phòng tránh các tệ nạn xã hội để tự bảo vệ mình và bảo vệ người khác; tăng cường giáo dục kỹ năng sống cho học sinh như: tránh xa những nơi, vật nguy hiểm, không tiếp xúc hay nhận quà người lạ, một số thực phẩm không an toàn...; Thành lập Ban chỉ đạo công tác y tế học đường, ban chỉ đạo an toàn trường học, Ban quản lý công tác nuôi bán trú và VSATTP. Lồng ghép giáo dục nội dung phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, ngộ độc thực phẩm trong chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ. Cử cán bộ quản lý, giáo viên tham gia lớp bồi dưỡng về phòng cháy chữa cháy do Công an huyện Trục Ninh tổ chức, tham gia lớp tập huấn về VSATTP do Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo hành trẻ, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả được ghi lại đầy đủ trong Sổ công bố, công khai, thu thập, rà soát, kiểm tra, đánh giá, xử lý các văn bản và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch và có các bài tuyên truyền để hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng,

chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo hành trẻ trong nhà trường. Nhiều năm qua, trong trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo hành, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới, thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo hành trẻ, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Từ ngày thành lập trường cho đến nay an ninh trật tự trong nhà trường được giữ vững, không để xảy ra trường hợp ngộ độc thực phẩm và mất an ninh trật tự.

Nhà trường thực hiện tốt công tác tuyên truyền phối kết hợp với Ban công an xã trong việc đảm bảo công tác an ninh trật tự trong nhà trường; thường xuyên phối hợp với các cấp, các ngành phát động và nhân rộng mô hình, gương điển hình tiên tiến trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh trong nhà trường.

Trường có phòng y tế được trang bị đầy đủ thiết bị theo quy định. Hợp đồng thực phẩm rõ nguồn gốc, bếp ăn được Trung tâm Y tế huyện công nhận đảm bảo VSATTP.

Điểm yếu

Công tác phối hợp giữa nhà trường và ban công an địa phương trong việc tuyên truyền, xây dựng phương án đảm bảo an toàn cho trẻ chưa thường xuyên.

Trường chưa có nhân viên y tế học đường chuyên trách do vậy công tác chăm sóc sức khỏe chưa thường xuyên.

Các phương tiện và thiết bị phòng chống cháy nổ còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Dự kiến kinh phí |
|---|---------------------------|---|----------------------------|-------------------------|
| Tăng cường phối kết hợp với ban công an trong việc tuyên truyền, xây dựng các biện pháp tuyên truyền đảm bảo an toàn cho trẻ. | Ban giám hiệu | Kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và ban công an địa phương | Trong các năm học | Không |

| | | | | |
|---|-------------------------|---------------------|-------------------------|------------|
| Tham mưu cấp có thẩm quyền tuyển dụng nhân viên y tế chuyên trách cho nhà trường. | UBND huyện, Phòng GD&ĐT | Các văn bản các cấp | Các năm học | |
| Mua bổ sung trang thiết bị phòng chống cháy nổ | Hiệu trưởng | Kinh phí | Đầu năm học 2023 - 2024 | 7.000.000đ |

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|------------|----------------|------------|----------------|---------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | ----- | |
| b | Đạt | b | Đạt | ----- | |
| c | Đạt | | | ----- | |
| Đạt | | Đạt | | | |

Kết quả: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

1. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục, phù hợp với điều kiện, nguồn lực thực tế của địa phương, đã được Chủ tịch UBND huyện phê duyệt. Hội đồng trường được thành lập và thực hiện chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non.

Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với quy định của Điều lệ trường mầm non. Có đầy đủ cơ cấu, bộ máy hoạt động hiệu quả, đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều lệ trường Mầm non như: Chi bộ Đảng, tổ chức Công đoàn, chi Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

Ban giám hiệu nhà trường trẻ hóa, có năng lực lãnh đạo chỉ đạo các hoạt động, xây dựng kế hoạch phát triển, kế hoạch năm học, tuần, tháng, có sự sáng tạo, đổi mới. Nhà trường thực hiện nghiêm túc quản lý chuyên môn, quản lý tài chính, quản lý tài sản và các hoạt động. Chỉ đạo thực hiện tốt các cuộc vận động làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, công tác thi đua khen thưởng nên có tác dụng tích cực trong việc động viên khích lệ kịp thời CBGVNV trẻ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch và thực hiện có hiệu quả các phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh. Do đó, trong nhiều năm qua nhà trường không xảy ra bất cứ vụ tai nạn, cháy nổ và ngộ độc thực phẩm nào đối với CBGVNV và trẻ.

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ, sổ sách được lưu trữ theo quy định. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động bám sát nhiệm vụ của nhà trường, thực hiện bồi dưỡng chuyên môn nâng cao trình độ, kiến thức kỹ năng sư phạm có hiệu quả.

2. Điểm yếu

Một số nội dung trong chiến lược tuy đã có sự điều chỉnh song nguồn lực về kinh phí đầu tư cho giáo dục còn hạn chế dẫn đến việc hoàn thành chưa đảm bảo đúng tiến độ.

Chưa có nhiều ý kiến bổ sung góp ý vào kế hoạch hoạt động của hội đồng trường và các hội đồng khác.

Nhân viên kế toán, văn phòng nhà trường còn kiêm nhiệm, nhân viên y tế được tăng cường từ trường THCS Trục Thắng, do đó công tác quản lý tài chính, văn phòng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ còn gặp nhiều khó khăn.

Trường mầm non Trục Thắng có quy mô 16 nhóm, lớp, tại 02 khu do đó gặp khó khăn trong công tác quản lý, điều hành. Tỷ lệ huy động trẻ đến trường đặc biệt trẻ nhà trẻ còn thấp.

*** Kết quả đánh giá**

- Tổng tiêu chí: 10
- Tổng số tiêu chí đạt: $10/10=100\%$; trong đó:
 - + Số tiêu chí đạt mức 1: 10
 - + Số tiêu chí đạt mức 2: 10
 - + Số tiêu chí đạt mức 3: 5

Kết luận tiêu chuẩn 1 : 10/10 tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường mầm non Trục Thắng được biên chế, hợp đồng theo Quyết định 60 của Thủ tướng Chính phủ và hợp đồng thời vụ với nhà trường tính đến thời điểm tự đánh giá đủ theo quy định. Ban Giám hiệu trẻ, nhiệt tình, trách nhiệm, có năng lực quản lý, lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động giáo dục theo yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Giáo viên, nhân viên có phẩm

chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, nhiệt tình trách nhiệm, yêu nghề, mến trẻ, xây dựng khối đoàn kết vững chắc, thống nhất cao.

Tiêu chí 2.1 : Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1

- a) Đạt chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2

- a) Trong 05 liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 2 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) **Hiệu trưởng:** Đồng chí Đỗ Thị Lụa, sinh năm 1983, vào ngành năm 2000 đã có 19 năm trực tiếp giảng dạy. Tháng 9/2006 được bổ nhiệm chức vụ Phó hiệu trưởng lần đầu theo Quyết định số 1121/QĐ-UBND ngày 26/7/2006 của chủ tịch UBND huyện Trục Ninh. Bổ nhiệm lại Hiệu trưởng trường mầm non Trục Thắng theo Quyết định số 7486/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của chủ tịch huyện UBND Trục Ninh; Có trình độ chuyên môn đại học sư phạm mầm non, trình độ trung cấp lý luận chính trị - hành chính, đã qua lớp quản lý giáo dục ở trường CĐSP Nam Định tháng 5/2012.

Phó hiệu trưởng 1: Đồng chí Nguyễn Thị Hoàn, sinh năm 1975, năm vào ngành: Tháng 12/2000, đã có 19 năm trực tiếp giảng dạy; Được bổ nhiệm là Phó hiệu trưởng lần đầu theo Quyết định số 3865/QĐ-UBND ngày 24/10/2017 của chủ tịch UBND huyện Trục Ninh; Bổ nhiệm lại là Phó Hiệu trưởng theo quyết định số 7485/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của chủ tịch UBND huyện Trục Ninh; Trình độ chuyên môn đại học sư phạm mầm non; Có trình độ trung cấp lý luận chính trị - hành chính; đã học qua lớp quản lý giáo dục ở trường CĐSP Nam Định tháng 2/2018.

Cán bộ quản lý nhà trường có năng lực quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường, nắm vững Chương trình Giáo dục mầm non, nắm vững cách lập kế hoạch giáo dục theo mục tiêu nội dung, hoạt động giáo dục phù hợp với trẻ, định

hướng theo quan điểm giáo dục tích hợp lấy trẻ làm trung tâm và không ngừng cải tiến để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

Lãnh đạo nhà trường đều biết ứng dụng, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin một cách nhanh nhạy, hiệu quả trong công tác quản lý, chỉ đạo chuyên môn, trong công tác báo cáo trực tuyến và sử dụng các phần mềm quản lý được ứng dụng thực hiện trong trường mầm non như phần mềm phổ cập, phần mềm dinh dưỡng, phần mềm điều hành văn bản của ngành giáo dục, thực hiện tốt các nội dung trên cổng TTĐT của nhà trường... Các đồng chí Ban giám hiệu đều có chứng chỉ tin học, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định...[H2-2.1-01].

b) Cuối mỗi năm học, nhà trường đều tổ chức đánh giá Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đúng quy trình, quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non theo thông tư số 17/2011/TT-BGD&ĐT ngày 14/4/2011 và công văn 3619/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 02/6/2011, công văn số 630/BGDĐT-NGCBQLGD. Năm học 2022 - 2023, nhà trường thực hiện đánh giá Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng theo thông tư 25/2018/TT-BGDĐT về hướng dẫn đánh giá xếp loại Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng theo quy trình như sau: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng tự đánh giá xếp loại sau đó Chủ tịch công đoàn chủ trì đề Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng báo cáo kết quả tự đánh giá và cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia góp ý kiến, đánh giá. Tiếp theo Ban chấp hành công đoàn tổng hợp kết quả đánh giá Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng. Cuối cùng Trường Phòng Giáo dục và Đào tạo trực tiếp đánh giá Hiệu trưởng, Hiệu trưởng đánh giá Phó hiệu trưởng. Qua kết quả tổng hợp việc đánh giá hằng năm, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đã được sự tín nhiệm cao của tập thể sư phạm nhà trường. Kết quả đánh giá Hiệu trưởng trong 5 năm được Trường Phòng Giáo dục và Đào tạo nhận xét, đánh giá xếp loại xuất sắc, đồng chí Phó hiệu trưởng trong 5 năm được xếp loại Xuất sắc. Các đồng chí trong BGH nhà trường nhiều năm đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và được cấp trên tặng giấy khen. [H2- 2.1- 02]

c) Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đã tham gia đầy đủ lớp bồi dưỡng quản lý giáo dục và đã được cấp chứng chỉ bồi dưỡng CBQL; tham gia đầy đủ các khoá bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ của Sở Giáo dục, Phòng Giáo dục như tập huấn công tác tự đánh giá theo Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phát triển chương trình GDMN của nhà trường, tập huấn công tác VSATTP và phòng chống tai nạn thương tích và cách xử trí; công tác văn thư lưu trữ... và nhiều lớp tập huấn khác. Các đồng chí đều có tinh thần trách nhiệm cao trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại điều 16, điều 17 - Điều lệ trường Mầm non.[H2- 2.1- 03]

Mức 2

a) Từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2022 - 2023, kết quả đánh giá xếp loại Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng theo quy định chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng trường mầm non trong 5 năm gần đây đều xếp loại tốt.[H2- 2.1- 04]

b)

| TT | Họ và tên | Năm học | | | | |
|----|-----------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| | | 2018-2019 | 2019-2020 | 2020-2021 | 2021-2022 | 2022-2023 |
| 1 | Đỗ Thị Lụa | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc |
| 2 | Nguyễn Thị Hoàn | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc |

b) Cán bộ quản lý đã tham gia học lớp bồi dưỡng quản lý giáo dục đạt kết quả tốt, tham gia đầy đủ các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, Trung cấp lí luận chính trị, được cấp bằng trung cấp chính trị. Các đồng chí xác định rõ vai trò, trách nhiệm, quyền hạn của người quản lý luôn gương mẫu, mẫu mực trong lời nói, việc làm được tập thể nhà trường tín nhiệm cao. Thông qua kết quả đánh giá của giáo viên đạt 100%. [H2- 2.1- 01]

Mức 3

Kết quả đánh giá xếp loại cán bộ quản lý theo quy định chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng từ năm học 2018 - 2019 đều được đánh giá xếp loại xuất sắc; Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022 -2023, thực hiện đánh giá theo thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT, kết quả đánh giá Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng xếp loại Xuất sắc.[H2- 2.1- 02].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý nhà trường đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 10 Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 về việc ban hành Điều lệ trường mầm non; Có năng lực quản lý, trình độ chuyên môn vững vàng; tâm huyết, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao. Năm học 2017-2018 đều được đánh giá xếp loại xuất sắc theo đúng quy định tại Thông tư số 17/2011/TT-BGDĐT ngày 14/4/2011 và Công văn 3619/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 02/6/2011, Công văn số 630/BGDĐT-NGCBQLGD. Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023, thực hiện đánh giá theo thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT, các đồng chí cán bộ quản lý đều đạt loại Xuất sắc.

Cán bộ quản lý nhà trường đều có trình độ bồi dưỡng quản lý giáo dục và trung cấp lí luận chính trị; Có đủ sức khỏe và năng lực để triển khai các hoạt động chăm sóc, giáo dục của nhà trường, được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định, được giáo viên, nhân viên nhà trường tín nhiệm cao.

3. Điểm yếu

Trong công tác quản lý đôi khi chưa mạnh dạn đổi mới, sáng tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát) | Điều kiện để thực hiện | Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành | Dự kiến kinh phí |
|--|--|------------------------------------|------------------------------------|------------------|
| Tự học tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn cũng như năng lực quản lý. | Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng | Được sự đồng ý của các cấp ủy Đảng | Trong năm học 2023 - 2024 | |

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|---------|----------------|---------|----------------|---------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | * | Đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | ----- | |
| c | Đạt | ----- | | ----- | |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1

- Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo quy định;
- 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp, giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2

- Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp.

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Năm học 2022 - 2023 trường có 24 giáo viên, trong đó có 23 giáo viên biên chế, 01 giáo viên hợp đồng 60, 01 giáo viên hợp đồng 102, trong đó giáo viên nhà trẻ: 06, giáo viên mẫu giáo: 18. Căn cứ Điều lệ trường mầm non nhà trường thực hiện định biên số cô/trẻ/lớp như sau:

Nhà trẻ: 6 cô/3 nhóm/81 trẻ, bình quân 13 trẻ/cô

Mẫu giáo: 18 cô/ 13 lớp/362 trẻ, bình quân 20 trẻ/cô

Các đồng chí giáo viên đều được đào tạo theo đúng chuyên ngành sư phạm mầm non, có năng lực chuyên môn vững vàng, năng động, sáng tạo trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ và trong mọi hoạt động của nhà trường. Hằng năm, 100% giáo viên tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do các cấp tổ chức và tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ. [H2-2.2-01]

b) 100% giáo viên có bằng tốt nghiệp từ trung cấp sư phạm mầm non trở lên theo đúng quy định tại Điều lệ trường mầm non, trong đó trình độ trên chuẩn là: giáo viên đạt 66,7% (16 đại học) [H2-2.2-02]

c) Cuối mỗi năm học nhà trường đều tổ chức đánh giá, xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo đúng quy trình: Giáo viên tự đánh giá, xếp loại sau đó tổ chuyên môn đánh giá, xếp loại và cuối cùng Hiệu trưởng đánh giá, xếp loại. Kết quả hàng năm: Hàng năm 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên [H2- 2.2- 03]. Cụ thể:

| Xếp loại Năm học | Tổng số GV | Xuất sắc | | Khá | | Trung bình | |
|---------------------|------------|----------|-----|-----|-----|------------|-----|
| | | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% |
| 2018 - 2019 | 27 | | | 24 | | 3 | |
| 2019 - 2020 | 26 | | | 23 | | 3 | |
| 2020 - 2021 | 26 | | | 22 | | 4 | |
| 2021 - 2022 | 24 | | | 23 | | 3 | |

| | | | | | | | |
|-------------|----|--|--|----|--|---|--|
| 2022 - 2023 | 24 | | | 24 | | 2 | |
|-------------|----|--|--|----|--|---|--|

Mức 2

a) Từ năm học 2018- 2019 đến thời điểm tự đánh giá nhà trường có 75% giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo (Cao đẳng: 6, đại học: 15). Hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch cử giáo viên đi học để nâng cao trình độ. Tỷ lệ giáo viên đạt trình độ đại học tăng dần theo các năm học. đến năm học 2022-2023 giáo viên đạt trình độ đại học mầm non: 16 đ/c và 4 đ/c đang học lớp Đại học SPMN dự kiến tháng 8 năm 2023 tốt nghiệp. [H2-2.2- 04].

b) Trong 5 năm học liên tiếp, từ năm học 2018- 2019 đến năm 2022- 2023 nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non trong đó có 100% số giáo viên đạt chuẩn ở mức khá trở lên. Năm học 2022-2023 có 100% giáo viên xếp loại tốt và khá có 02 giáo viên nào xếp loại đạt. [H2 - 2.2- 05].

c) Hằng năm, trong hội nghị cán bộ, công chức, viên chức nhà trường xây dựng nội quy, quy chế chuyên môn, quy chế làm việc được tập thể thảo luận thống nhất cao, vì vậy cán bộ giáo viên đã thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế đề ra. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá trong trường không có giáo viên bị kỷ luật.[H2-2.2- 06].

Mức 3

a) Tính đến năm học 2022- 2023 tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ chuyên môn trên chuẩn là 66,7%. [H2-2.2- 07].

b) Trong 05 năm liên tiếp từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022- 2023 số giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp của nhà trường 80-84% đạt mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức xuất sắc. Năm học 2022 - 2023 có 92% giáo viên đạt chuẩn nghiệp ở mức khá và tốt. [H2- 2.2- 08]

2. Điểm mạnh

100% giáo viên có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống trung thực, giản dị; nhiệt tình, ý thức trách nhiệm, có uy tín, hoàn thành tốt nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ theo chương trình giáo dục mầm non.

66,7% giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo. Giáo viên nhà trường vững vàng về chuyên môn, có tinh thần cầu thị tiến bộ, tích cực học hỏi chuyên môn, có uy tín đối với cha mẹ trẻ và có niềm tin với các cấp lãnh đạo, các ban ngành tại địa phương.

3. Điểm yếu

Giáo viên hợp đồng còn nhiều, mức lương chưa cao, do đó giáo viên chưa yên tâm công tác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện (chủ trì/ | Điều kiện để thực hiện | Mốc thực hiện/thời gian hoàn | Dự kiến kinh phí |
|--|------------------------------|------------------------|------------------------------|------------------|
|--|------------------------------|------------------------|------------------------------|------------------|

| | | | | |
|--|--------------------------------|--|------------------------|--|
| | phối hợp/ giám sát) | | thành | |
| Đề xuất với các cấp lãnh đạo tuyển thêm giáo viên mới được hưởng lương theo Nghị định 60 của Thủ tướng chính phủ . | Hiệu trưởng tích cực tham mưu. | | Các năm học tiếp theo. | |

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|---------|----------------|---------|----------------|---------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | a | Đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | b | Đạt |
| c | Đạt | c | Đạt | ----- | |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm bảo nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- a) Năm học 2022-2023, nhà trường có 7 nhân viên nuôi dưỡng, 01 nhân viên y tế trường học tăng cường từ trường THCS Trục Thắng; 02 nhân viên làm công tác bảo vệ; 1 giáo viên kiêm nhiệm công tác kế toán, 1 giáo viên kiêm nhiệm

công tác văn phòng, 1 giáo viên kiêm nhiệm công tác thủ quỹ. Các đồng chí nhân viên được bồi dưỡng nghiệp vụ theo vị trí công việc. [H2- 2.3- 01]

b) Nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người, cụ thể như sau:

Đồng chí: Nguyễn Thị Thúy là nhân viên y tế tăng cường 2 ngày/tuần phụ trách công tác y tế tại trường mầm non. Có kế hoạch và lịch trình hoạt động cụ thể, rõ ràng.

Đồng chí: Hoàng Thị Trâm là giáo viên kiêm nhiệm công tác kế toán chịu sự điều hành trực tiếp của đồng chí Hiệu trưởng các công việc liên quan đến nhiệm vụ tài chính kế toán; có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch phù hợp với chuyên ngành kế toán, giúp cho công tác tài chính của trường được công khai, minh bạch.

Đồng chí Trần Thị Yến là giáo viên kiêm nhiệm công tác văn phòng.

Đồng chí Phạm Thị Hương là giáo viên kiêm nhiệm công tác thủ quỹ.

7 nhân viên do nhà trường hợp đồng được phân công làm công tác nuôi dưỡng có trình độ đại học, trung cấp sư phạm mầm non và chứng chỉ nấu ăn. Được bồi dưỡng kiến thức chuyên môn qua các lớp tập huấn nuôi dưỡng. [H2- 2.3- 02]

c) Nhân viên nhà trường đều có năng lực, trình độ nghiệp vụ chuyên môn có tinh thần trách nhiệm với công việc, hoàn thành nhiệm vụ được giao, được đảm bảo quyền lợi và bình xét thi đua khen thưởng hàng năm. [H2- 2.3- 03]

Mức 2

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên của nhà trường cơ bản đảm bảo theo quy định tại khoản 3, Điều 4 và khoản 4, Điều 5 - Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT- BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.[H2- 2.3- 04]

b) Các nhân viên đều thực hiện tốt nội quy, quy chế làm việc của nhà trường đề ra. Trong các năm học liên tiếp từ năm học 2014- 2015 đến năm học 2018- 2019 không có nhân viên nào bị kỷ luật.[H2- 2.3- 05]

Mức 3

a) Nhân viên nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm như: Nhân viên y tế có trình độ trung cấp y tế; Giáo viên kiêm nhiệm kế toán có bằng kế toán; Giáo viên kiêm nhiệm công tác văn phòng và thủ quỹ được tập huấn qua các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ do Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức, các đồng chí đều cố gắng hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.[H2- 2.3- 06]

b) Hằng năm nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ theo vị trí việc làm do Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cụ thể: tập huấn công tác văn thư lưu trữ do lãnh đạo Sở Nội Vụ trực tiếp là giảng viên; Tập huấn nghiệp vụ kế toán, thủ quỹ do đồng chí Kế toán trưởng trực tiếp là giảng viên; tập huấn kiến thức về VSATTP, phòng tránh tai nạn thương tích do cán bộ trung tâm phòng chống bệnh tật tỉnh Nam Định trực tiếp là giảng viên. Nhân viên được nhà trường tạo điều kiện tham gia các cuộc thi cấp bồi dưỡng thêm về nghiệp vụ như: thi tay nghề thực hành nấu ăn, lên thực đơn sáng tạo, trình bày món ăn...;

tổ chức tập huấn khai thác phần mềm dinh dưỡng, phần mềm kế toán. [H2- 2.3-07]

2. Điểm mạnh

Nhân viên Y tế tăng cường, nhân viên nuôi dưỡng đều có trình độ đào tạo đáp ứng vị trí việc làm.

Nhân viên trong trường được đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định.

Nhân viên trong trường có tinh thần trách nhiệm cao, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có nhân viên kế toán, văn phòng, chuyên trách còn do giáo viên kiêm nhiệm; nhân viên y tế được tăng cường từ trường THCS sang 2 ngày/tuần nên công việc còn chông chéo, chưa đảm bảo đầy đủ theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

| Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát) | Điều kiện để thực hiện | Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành | Dự kiến kinh phí |
|--|--|------------------------|------------------------------------|------------------|
| Làm tốt công tác bồi dưỡng CMNV cho NV của tổ trong các năm học. | BGH, NV | Tự bồi dưỡng | Trong các năm học | |

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|---------|----------------|---------|----------------|---------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | a | Đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | b | Đạt |
| c | Đạt | ----- | | ----- | |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

Kết quả: Đạt mức 3

Kết luận tiêu chuẩn 2

Điểm mạnh

Cán bộ quản lý nhà trường nhiệt tình, năng động, có tâm huyết, đủ năng lực để triển khai có hiệu quả các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

Đội ngũ giáo viên có phẩm chất đạo đức trong sáng, lối sống lành mạnh, có tinh thần trách nhiệm cao, được đào tạo với trình độ chuẩn và trên chuẩn, đáp ứng với yêu cầu chăm sóc, giáo dục hiện nay.

Nhà trường thực hiện nghiêm túc, kịp thời chế độ và quyền lợi của cán bộ, giáo viên, nhân viên, thực hiện chế độ lương và phụ cấp đầy đủ, đúng quy định và công khai dân chủ, tạo niềm tin, động lực cho đội ngũ yên tâm công tác.

Nhà trường và công đoàn luôn quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, giáo viên, tạo điều kiện để mọi người thực hiện tốt nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Điểm yếu

Nhà trường chưa có nhân viên kế toán, văn phòng chuyên trách còn do giáo viên kiêm nhiệm; nhân viên y tế được tăng cường từ trường THCS sang 2 ngày/tuần nên công việc còn chông chéo;

Đời sống, tiền lương của nhân viên còn thấp chưa được đáp ứng theo nhu cầu làm việc;

Giáo viên hợp đồng còn nhiều, mức lương chưa cao, chưa yên tâm công tác.

Số tiêu chí đạt: 3/3; trong đó:

- Số tiêu chí đạt mức 1: 3

- Số tiêu chí đạt mức 2: 3

- Số tiêu chí đạt mức 3: 3

Kết luận tiêu chuẩn 2: 3/3 tiêu chí đạt mức 3.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu

Cơ sở vật chất và trang thiết bị là yếu tố đóng vai trò hỗ trợ tích cực cho quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; là điều kiện cần thiết để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

Cơ sở vật chất của nhà trường khang trang, sạch sẽ, các nhóm lớp, các phòng chức năng được thiết kế thuận tiện; trang thiết bị đồ dùng đồ chơi phong phú nhằm đảm bảo tốt các hoạt động của trường, đảm bảo các điều kiện trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, trường Xanh- Sạch- Đẹp- An toàn.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

Mức 3

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Trường quy hoạch tập trung 2 khu, đặt ở trung tâm xã, có khuôn viên xanh, sạch, đẹp, thoáng mát với tổng diện tích toàn trường là 6.386 m², bình quân 13,8 m²/trẻ, trong đó 575 m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp 002462 ngày 7/9/2016 của UBND tỉnh Nam Định, 5.811 m² đã có trích lục đất. [H3-3.1-01]

b) Trường có cổng được xây dựng kiên cố chắc chắn đổ cột bê tông, tường bao xây bằng gạch, đảm bảo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Cổng trường mầm non Trục Thắng có biển được ghi như sau:

Góc bên trái: Dòng thứ nhất: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH

Dòng thứ hai: PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Ở giữa: TRƯỜNG MẦM NON TRỤC THẮNG

Cuối cùng: Địa chỉ: Xã Trục Thắng, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định

Khuôn viên trường có tường xây bao quanh được xây bằng gạch và lưới B40, có chiều cao 1,7m, chiều dài 3.220m đảm bảo an toàn cho trẻ; có vườn rau của bé; có cây xanh và cây bóng mát; có bồn hoa cây cảnh thân thiện và an toàn cho trẻ khi sử dụng. Trường sử dụng nước sạch và máy lọc nước tinh khiết đảm bảo hợp vệ sinh, hệ thống thoát nước đảm bảo an toàn, hợp vệ sinh thường xuyên được nâng cấp, dọn vệ sinh không để tình trạng tắc nghẽn. [H3-3.1-02]

c) Nhà trường có sân chơi, hiên chơi, hành lang, lan can bao quanh đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các hoạt động của trẻ. Có nhiều cây xanh tạo bóng mát, đảm bảo an toàn, thân thiện, không khí trong lành, thoáng mát. Hằng năm, được tu sửa, nâng cấp, cải tạo đẹp mắt và đảm bảo an toàn cho cô trẻ hoạt động; trẻ được

thỏa sức khám phá, trải nghiệm và tìm hiểu về môi trường sống xung quanh mình, qua đó giáo dục tình yêu thiên nhiên cho trẻ. [H3-3.1-03]

Trường có 2 sân chơi tại 2 khu với tổng diện tích: 4.470 m²; trong đó: Diện tích sân chơi khu trung tâm 4.068m², diện tích sân chơi khu B: 402 m², đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Sân trường được thiết kế thành các khu vui chơi, khu phát triển vận động, vườn rau, khu chăn nuôi của bé, sân trường được trồng nhiều các loại cây xanh bóng mát, cây hoa, cây cảnh, tạo cơ hội cho trẻ hoạt động tích cực trong môi trường giáo dục thân thiện, Xanh- Sạch- Đẹp- An toàn.

Hành lang của các dãy lớp có diện tích trung bình 0,6 m²/trẻ có lan can bao quanh đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các hoạt động của trẻ. Hệ thống cây xanh được trồng bố trí theo dãy, khoa học có đủ bóng mát cho trẻ được khám phá và trải nghiệm tìm hiểu về môi trường sống xung quanh, giáo dục ý thức bảo vệ, yêu quý thiên nhiên. [H3-3.1-03]

Mức 2

a) Trường có diện tích xây dựng công trình phòng học, phòng chức năng là 230m²; diện tích vườn trường được quy hoạch là 2.068m² đặt phía trước các phòng nhóm lớp thuận tiện cho trẻ sử dụng.

b) Trường có tường xây kiên cố ngăn cách với bên ngoài. Mỗi lớp có hành lang chơi riêng. Xung quanh trường có nhiều cây xanh, cây bóng mát, cây hoa, cây cảnh, được trồng nhiều loại khác nhau, sắp xếp hợp lý, có nhiều bóng mát cho trẻ vui chơi. Nhà trường có lịch vệ sinh hàng tuần, cây cối được chăm sóc, cắt tỉa thường xuyên. Có vườn cây, vườn rau, vườn cây thuốc nam dành riêng cho trẻ chăm sóc, thực hành một số hoạt động lao động đơn giản, phù hợp với lứa tuổi; giáo dục trẻ tình yêu thiên nhiên, ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường, yêu lao động. [H3-3.1-04]

c) Khu vực trẻ chơi ngoài trời được trồng cỏ đặt dưới các loại đồ chơi ngoài trời đảm bảo an toàn, phù hợp với trẻ. Có 10 đồ chơi ngoài trời được xếp đặt ngăn nắp dưới bóng cây và có mái che bằng tôn lạnh bảo quản chắc chắn; thường xuyên được kiểm tra hàng ngày, tu sửa kịp thời, đảm bảo an toàn tuyệt đối trong hoạt động vui chơi của trẻ. Có tường bao kiên cố ngăn cách trường với khu vực nhà dân đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ. [H3-3.1-05]

Mức 3

Sân chơi của trẻ có đầy đủ, đa dạng các loại đồ chơi ngoài trời như: Bộ đồ chơi liên hoàn, Cầu trượt, bập bênh, xích đu thuyền rồng, mâm quay, nhà bóng, đảm bảo yêu cầu theo danh mục thiết bị đồ chơi ngoài trời quy định tại Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT, ngày 14/9/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đào tạo. Ngoài ra có sân chơi phát triển vận động dành riêng trong 1 khu đất nhỏ, được đặt cỏ nhật, cỏ nhân tạo và có nhiều đồ chơi phát triển vận động do cha mẹ và giáo viên tự làm đảm bảo an toàn và phù hợp với trẻ. [H3-3.1-06]

2. Điểm mạnh

Khuôn viên trường được quy hoạch rất hợp lý, có cổng trường, biển tên trường theo đúng Điều lệ trường mầm non, tường bao quanh đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người và tài sản.

Diện tích sân chơi, sân tập thể dục đảm bảo quy định, cây bóng mát, cây cảnh hợp lý, phân bố đều trên sân tạo không gian mát mẻ, không khí trong lành. Có đồ chơi ngoài trời để tập luyện vui chơi và có mái che cơ bản theo quy định điều lệ trường Mầm non.

3. Điểm yếu

Cây ăn quả, hệ thống cây bóng mát, thảm cỏ, thảm hoa mới trồng nên chưa đảm bảo độ che phủ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát) | Điều kiện để thực hiện | Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành | Dự kiến kinh phí |
|--|--|------------------------|------------------------------------|------------------|
| Huy động từ phụ huynh, giáo viên, các tổ chức tại địa phương ủng hộ cây xanh, cây bóng mát trồng tại vị trí quy hoạch. | BGH | | Trong năm học 2023-2024 | 30 triệu |

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|---------|----------------|---------|----------------|---------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | * | Đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | ----- | |
| c | Đạt | c | Đạt | ----- | |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo

dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định.

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có 15 phòng học tương ứng với 15 nhóm, lớp; trong đó 3 nhóm trẻ và 12 lớp mẫu giáo, 01 phòng Montessori, 01 phòng Steam.[H3-3.2-01]

b) Trường có phòng sinh hoạt chung và phòng ngủ riêng cho trẻ nhà trẻ; Phòng sinh hoạt chung mẫu giáo vừa là nơi tổ chức các hoạt động, vừa là nơi cho trẻ ngủ trưa có diện tích trung bình $1,5m^2$ /trẻ, đủ ánh sáng, nền được lát gạch men không trơn trượt, phòng học thông thoáng đủ ánh sáng, đảm bảo ấm về mùa đông, mát về mùa hè, có đủ đồ dùng phục vụ cho học tập và sinh hoạt.

Có 1 phòng đa chức năng tích hợp tổ chức cho trẻ ăn trưa và các hoạt động tập thể. Có 1 phòng âm nhạc có gương áp tường, gióng múa, có các thiết bị điện tử, đàn, nhạc cụ, có đồ dùng, đồ chơi âm nhạc, trang phục, đạo cụ múa được sắp xếp phù hợp với trẻ; đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. [H3-3.2-02]

c) Các phòng học đều được trang bị đầy đủ hệ thống đèn đủ ánh sáng, hệ thống quạt. Bình quân mỗi phòng học lắp 6-8 bóng điện; 4 quạt trần. Mỗi phòng học đều có tủ đựng hồ sơ, tủ đựng đồ cá nhân cho trẻ, thiết bị dạy học và các góc có giá, kệ để đồ dùng đồ chơi cho trẻ tiện lợi khi sử dụng.[H3-3.2-03].

Mức 2

a) Trường có 16 phòng học với diện tích $50m^2$ /phòng đạt tiêu chuẩn theo quy định ($1,5 m^2$ /trẻ); Hệ thống phòng học được xây dựng kiên cố, an toàn. Các phòng học có các công trình vệ sinh, phòng kho khép kín và đầy đủ thiết bị vệ sinh, đảm bảo an toàn và thuận tiện cho trẻ sử dụng. Phòng giáo dục nghệ thuật có diện tích $60m^2$ và nhà đa chức năng diện tích $230m^2$ là nơi tổ chức các hoạt động cho trẻ đảm bảo theo quy định tại điều lệ trường mầm non. [H3-3.2-04].

b) Có đầy đủ tủ đựng đồ cá nhân cho trẻ, tủ đựng chăn màn, tủ đựng hồ sơ, có giá kệ đựng đồ dùng đồ chơi cho trẻ.

Các giá để đồ dùng, đồ chơi phù hợp làm bằng chất liệu nhựa và gỗ ép nhẹ nhàng và có các ngăn khác nhau đẹp mắt và dễ trưng bày. Trẻ dễ lấy dễ cất, đảm bảo an toàn. Đồ dùng, đồ chơi được trưng bày phù hợp với nội dung chơi, nội dung học, nội dung khám phá và theo tuần, theo tháng theo chủ đề và theo các sự kiện lễ tết trong năm.

Nhà trường tiến hành tu sửa, mua sắm bổ sung các thiết bị học và chơi hàng năm theo yêu cầu đổi mới phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.

Bàn ghế có kích thước phù hợp, chất liệu nhẹ nhàng, thuận tiện, an toàn màu sắc, kiểu dáng phù hợp với trẻ mầm non.

Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ dùng đồ chơi có đầy đủ và được sắp xếp ngăn nắp gọn gàng, hợp lý, an toàn và thân thiện khi sử dụng theo đúng điều lệ trường mầm non.[H3-3.2-05].

Mức 3

Nhà trường có phòng riêng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học, âm nhạc; Có trang bị đồ dùng dụng cụ đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục.[H3-3.2-06].

2. Điểm mạnh

Số lượng phòng học đạt tỉ lệ 1 phòng/lớp, đáp ứng đầy đủ cho trẻ học 2 buổi/ngày, ăn bán trú tại trường. Bàn ghế đúng quy cách, đồ dùng, đồ chơi tại các nhóm, lớp đảm bảo Danh mục và quy cách theo quy định.

Phòng học đảm bảo đúng quy định, đảm bảo an toàn cho giáo viên, trẻ theo quy định tại điều lệ trường mầm non, trang thiết bị được trang bị phù hợp với các yêu cầu hoạt động giáo dục, chăm sóc sức khỏe của trẻ.

Các lớp học đều có hiên chơi rộng rãi thoáng mát, đảm bảo đủ diện tích cho trẻ hoạt động theo quy định, có lan can chắc chắn bền đẹp đúng kích thước đảm bảo an toàn cho trẻ.

Nhà trường quan tâm tu sửa, mua sắm bổ xung các trang thiết bị đầy đủ.

3. Điểm yếu

Trang thiết bị của phòng phục vụ học tập đặc biệt là phòng làm quen tin học, ngoại ngữ chưa đầy đủ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát) | Điều kiện để thực hiện | Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành | Dự kiến kinh phí |
|--|--|------------------------|------------------------------------|------------------|
| | | | | |

| | | | | |
|---|---------------|--|-------------|----------|
| Làm tốt công tác xã hội hóa bổ sung CSVC, trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động GD, đặc biệt là các thiết bị dạy - học hiện đại. | BGH,GV, PH | | Các năm học | 50 triệu |
|---|---------------|--|-------------|----------|

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|---------|-------------------|---------|-------------------|---------|-------------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | * | Đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | ----- | |
| c | Đạt | ----- | | ----- | |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1

- a) Có các loại phòng theo quy định;
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Có đủ các loại phòng theo quy định tại Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Thủ Tướng Chính Phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, gồm các phòng: Văn phòng, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, hành chính quản trị, y tế, bảo vệ, phòng dành cho nhân viên, khu vệ sinh cho giáo viên, cán bộ, nhân viên, khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.[H3-3.3-01]

b) Văn phòng trường có bàn ghế, tủ văn phòng, có biểu bảng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Phòng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có trang thiết bị, máy tính, bàn tiếp khách, bàn làm việc, tủ đựng hồ sơ; phòng hành chính quản trị có bàn làm việc, máy tính, tủ hồ sơ, bảng biểu; phòng y tế có bàn làm việc,

giường y tế, cân, đo, tủ thuốc và có bảng thông báo các biện pháp tích cực can thiệp chữa bệnh và chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, trẻ béo phì, có bảng theo dõi tiêm phòng và khám sức khỏe định kỳ cho trẻ, có tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ về cách phòng chống một số bệnh thường gặp như: Sởi, ho gà, uốn ván, bệnh chân tay miệng, ... để tuyên truyền cho cha mẹ biết cách chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ; phòng nhân viên có mắc đồ dùng cá nhân cho nhân viên; phòng bảo vệ có đủ bàn ghế, đồng hồ, bảng, sổ theo dõi khách, giường và đồ dùng phục vụ cho công tác bảo vệ; khu vệ sinh cho giáo viên, nhân viên có đầy đủ thiết bị, có nguồn nước sạch đảm bảo vệ sinh. Các phòng đều được trang bị bàn ghế, tủ, máy vi tính và các phương tiện làm việc phù hợp. [H3-3.3-02]

c) Nhà để xe của giáo viên được lợp bằng tôn đảm bảo che nắng, che mưa, xe được sắp xếp gọn gàng, trật tự. [H3-3.3-03]

Mức 2

a) Các phòng thuộc khối phòng hành chính, quản trị đều có diện tích đảm bảo quy định tại Điều lệ trường mầm non, cụ thể: văn phòng có diện tích 50m², phòng Hiệu trưởng diện tích 20m², Phó Hiệu trưởng diện tích 20m², phòng hành chính quản trị diện tích 20m², phòng Y tế diện tích 15m², phòng nhân viên diện tích 16m², phòng bảo vệ diện tích 15m², công trình vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên diện tích 15m². Tất cả các phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường. [H3-3.3-04]

b) Nhà trường có 2 khu để xe cho cán bộ giáo viên tại 2 khu: Khu mầm non trung tâm có diện tích 57m², khu mầm non xóm 8 có diện tích 27m². Hai khu để xe có mái che, đảm bảo an toàn, thuận tiện khi sử dụng. [H3-3.3-05]

Mức 3

Nhà trường có đủ các phòng hành chính quản trị, đảm bảo diện tích theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non. [H3-3.3-06]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng, diện tích các phòng khối phòng hành chính theo quy định; được thiết kế, sắp xếp phù hợp đảm bảo theo tính chất công việc theo quy định tại Điều lệ trường mầm non và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

Khu vực để xe được lợp tôn, đặt ở vị trí an toàn, tiện lợi khi sử dụng.

3. Điểm yếu

Một số thiết bị khối phòng hành chính, quản trị còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến

| Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực | Điều kiện để thực | Mốc thực hiện/thời | Dự kiến kinh phí |
|---|----------------------|--------------------------|---------------------------|-------------------------|
|---|----------------------|--------------------------|---------------------------|-------------------------|

| | | | | |
|---|---|-------------|---------------------------|---------------|
| | hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát) | hiện | gian hoàn thành | |
| Cân đối việc chi ngân sách trường mua sắm bổ sung thêm đồ dùng dụng cụ trong các phòng thuộc khối hành chính, quản trị. | BGH | | Trong năm học 2023 - 2024 | 50 triệu đồng |

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|---------|----------------|---------|----------------|---------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | * | Đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | ----- | |
| c | Đạt | ----- | | ----- | |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1

- Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố
- Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn

Mức 2

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại điều lệ trường Mầm non

Mức 3

Bếp ăn đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường Mầm non

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Có bếp ăn được xây dựng bán kiên cố, vị trí đặt bếp hợp lý, có đầy đủ đồ dùng trang thiết bị hiện đại phục vụ cho hoạt động nấu ăn và chia ăn, được sắp xếp ngăn nắp, thuận tiện theo đúng quy cách, quy trình vận hành 1 chiều. [H3-3.4-01]

b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, được sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng đúng với các quy định.

- Đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm.[H3-3.4-02]

c) Có 2 tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn hằng ngày của trẻ em. Chất lượng lưu giữ mẫu thức ăn được đảm bảo theo đúng quy định tại Quyết định 1246/QĐ-BYT ngày 31/3/2017 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn thực hiện chế độ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống: thức ăn lưu giữ có định lượng 150g đối với thức ăn đặc, 250ml đối với thức ăn lỏng, lưu ở nhiệt độ 2-8⁰c, 24/24 giờ, có tem niêm phong với đầy đủ thông tin như bữa ăn, tên thức ăn, ngày giờ lưu và chữ ký người trực tiếp lưu. Dụng cụ lưu mẫu bằng thủy tinh, có nắp đậy an toàn, có dụng cụ lưu cho từng thực phẩm trong các bữa. [H1-3.4-03].

Mức 2

Trường có 2 bếp ăn với tổng diện tích 165m² (Bếp ăn khu trung tâm có diện tích 120m², bình quân 0,5m²/trẻ; Bếp ăn khu xóm 8 có diện tích 45m², bình quân 0,3m²/trẻ), đảm bảo theo quy định tại Điều 29 Điều lệ trường Mầm non (Văn bản hợp nhất số: 04/VBHN-BGDĐT, ngày 24/12/2015), gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn được thiết kế và tổ chức theo quy trình vận hành bếp 1 chiều.

Nhà bếp có đầy đủ đồ dùng, thiết bị phục vụ công tác nuôi dưỡng: có đầy đủ đồ dùng phục vụ trẻ em ăn bán trú tại trường; có dụng cụ chế biến thực phẩm đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm; Có tủ lạnh để lưu mẫu thực phẩm của trẻ em bán trú; có đủ nước sạch sử dụng, chất lượng nước phải được cơ quan y tế kiểm định;

Đảm bảo việc xử lý các chất thải đúng quy định, rác thải được chia làm 2 loại là rác khó phân hủy và rác hữu cơ. Rác hữu cơ nhà trường có nhân viên bếp thu dọn và gom sau mỗi ngày. Riêng rác khó phân hủy thì có nhân viên thu gom rác đến thu gom mỗi tuần 3 buổi vào các ngày thứ 2, 4, 6 trong tuần; đảm bảo yêu cầu phòng chống cháy nổ. [H3-3.4- 04]

Mức 3

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non (Quy định tại khoản 1, 2, Mục VI, Phần II của Quy chuẩn QCVN 07:2010/BYT):

Bếp ăn thông thoáng, đủ ánh sáng, có dụng cụ để chống chuột, ruồi, nhặng, gián hoặc các côn trùng có hại.

Tường, trần nhà và sàn nhà nhẵn, bằng phẳng, không góc cạnh, không gờ dễ bám bụi, chất bẩn, thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng;

Bàn, ghế, dụng cụ, phương tiện được làm bằng vật liệu dễ cọ rửa. Có đủ các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng;

Dụng cụ chứa thức ăn và sử dụng để ăn uống chủ yếu bằng inóc, bằng xoong nhôm đảm bảo chất lượng vệ sinh;

Có đủ phương tiện bảo quản thực phẩm như kho chứa vệ sinh, xô chậu, rửa ráy. Có bồn xả nước sạch và chỗ rửa tay với xà phòng, có hệ thống thoát nước đảm bảo;

Có phương tiện phân loại, thu gom và vận chuyển rác, thực phẩm, thức ăn thừa; các dụng cụ chứa đựng rác như thùng, xô bằng tôn đều có nắp đậy và thuận tiện cho việc làm vệ sinh. [H3-3.4-05]

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng bếp ăn theo quy trình 1 chiều, có diện tích rộng rãi, đúng quy định, hợp vệ sinh, có kho chứa thực phẩm, nơi sơ chế, chế biến, chia thức ăn riêng. Đường vận chuyển thức ăn sống, chín riêng, lưu mẫu thức ăn hàng ngày.

3. Điểm yếu

Một số thiết bị phục vụ cho công tác nuôi dưỡng đã cũ chưa được thay thế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát) | Điều kiện để thực hiện | Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành | Dự kiến kinh phí |
|--|--|------------------------|------------------------------------|------------------|
| Nhà trường cân đối ngân sách mua sắm bổ sung, thay thế đồ dùng đã cũ, hỏng để phục vụ tốt cho công tác nuôi dưỡng. | BGH | | Đầu năm học 2023-2024 | 50 triệu |
| Làm tốt công tác XHH giáo dục để mua sắm bổ sung các trang thiết bị đã cũ, hỏng... | BGH, GV, PH | | Trong các năm học tới | 50 triệu |

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|---------|----------------|---------|----------------|---------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | * | Đạt | * | Đạt |
| b | Đạt | ----- | | ----- | |
| c | Đạt | ----- | | ----- | |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.5. Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm

Mức 3

Các thiết bị đồ dùng đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

a) Nhà trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 Ban hành danh mục đồ dùng- đồ chơi- thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non, cụ thể: lớp 5 tuổi đảm bảo 100% danh mục, khối 4 tuổi 90% danh mục, khối 3 tuổi: 85% danh mục, Nhà trẻ: 80% danh mục. [H3-3.5-01]

b) Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại Điều lệ trường mầm non: Tivi, đầu đĩa, máy tính, đồ dùng, đồ chơi, bảng từ, sách, báo, truyện các loại...và một số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi giáo viên kết hợp cha mẹ tự làm và mua sắm thêm ngoài danh mục quy định đảm bảo chất lượng, an toàn phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi mầm non như: sách truyện, đồ chơi cho các chủ đề...; có 2 bộ đồ dùng dạy học được Sở cấp phát, 2 bộ được Phòng Giáo dục và Đào tạo cấp phát. Ngoài ra, nhà trường còn có một số đồ dùng, thiết bị phục vụ cho hoạt động âm nhạc, hoạt động tập thể, phát triển vận động như: quả tạ, công chui...Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi giáo viên tự làm hoặc nhà trường tự mua ngoài danh mục quy định, nhà trường tự làm được những đồ chơi sau: Bập bênh, ghế thăng bằng, ván dốc, công chui. Tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ em. [H3-3.5-02]

c) Vào dịp tháng 5 hàng năm, nhà trường tổ chức kiểm kê tài sản, thiết bị của toàn trường, lập biên bản kiểm kê và biên bản thanh lý tài sản. Có kế hoạch bổ sung, tu sửa, sửa chữa tài sản, thiết bị trong dịp hè, chuẩn bị cho năm học mới. [H3-3.5-03]

Mức 2

a) Hệ thống máy tính của nhà trường đều được kết nối Internet cáp quang tốc độ cao, đường truyền ổn định phục vụ hoạt động quản lý, hoạt động giáo dục

của nhà trường. Các nhóm, lớp được trang bị ti vi tinh thể lỏng được kết nối Internet phục vụ hoạt động giáo dục trẻ. [H3-3.5-04]

b) Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại Điều lệ trường mầm non: Tivi, đầu đĩa, máy tính, đồ dùng, đồ chơi, bảng từ, sách, báo, truyện các loại...và giáo viên tự làm một số đồ như: sách truyện, đồ chơi cho các chủ đề..., mỗi nhóm, lớp có bộ thiết bị đồ dùng, đồ chơi theo văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non. [H3-3.5-05]

c) Hằng năm, trên cơ sở đề xuất của giáo viên và của phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn nhà trường đều dành kinh phí mua sắm bổ sung thiết bị dạy học và phát động cán bộ, giáo viên, kết hợp các bậc cha mẹ tự làm đồ dùng dạy học như: Bộ đồ dùng học toán, bộ đồ dùng phát triển vận động, đồ dùng dạy kỹ năng sống,... [H3-3.5-06]

Mức 3

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm được khai thác, sử dụng đúng mục đích, hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục giáo dục theo quan điểm giáo dục “Lấy trẻ làm trung tâm” nhằm mục đích nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường.

Hằng năm, sau khi phân công chuyên môn cho giáo viên, nhà trường tổ chức bàn giao lớp học, bàn giao đồ dùng cho giáo viên, có biên bản bàn giao theo quy định. Đồ dùng bàn giao cho giáo viên được sắp xếp vào hệ thống tủ, giá phù hợp với nội dung chủ đề, một số đồ dùng chưa dùng đến được sắp xếp gọn gàng trong kho của nhóm, lớp giúp giáo viên thuận tiện trong việc sử dụng và bảo quản. Cách thức khai thác, sử dụng được giáo viên trao đổi, thảo luận trong buổi sinh hoạt chuyên môn tại nhà trường, hoặc sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường. Nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra và tiến hành kiểm tra theo kế hoạch việc sử dụng đồ dùng dạy học của giáo viên rất nghiêm túc thông qua các hình thức: dự giờ thăm lớp, kiểm tra chuyên đề, kiểm tra hồ sơ, sổ sách, kiểm tra kỹ năng sử dụng đồ dùng, đồ chơi của học sinh... Ngoài ra, hàng năm nhà trường còn khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học thông qua các hình thức: Hội thi giáo viên giỏi cấp trường, Hội thi đồ dùng dạy học tự làm, tổ chức khen thưởng xứng đáng cho những đồ dùng dạy học tự làm có hiệu quả sử dụng cao.[H3-3.5-07]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho các lớp mẫu giáo 5 tuổi theo quy định; một số thiết bị, đồ chơi tự làm đảm bảo an toàn, tính giáo dục cao. Các đồ dùng, thiết bị dạy học của nhà trường đáp ứng tốt các hoạt động giáo dục trong trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Công tác bảo quản, quản lý thiết bị đồ dùng chặt chẽ, nghiêm túc. Hằng năm có kế hoạch bảo quản, sửa chữa, thanh lý kịp thời thiết bị, đồ chơi cũ, hỏng.

Nhà trường đã huy động tốt nguồn lực để có kinh phí sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng đồ chơi hàng năm.

100% máy tính của nhà trường được kết nối internet cáp quang tốc độ cao, đường truyền ổn định.

3. Điểm yếu

Số lượng đồ chơi, thiết bị tự làm còn hạn chế về số lượng, chưa đa dạng về chủng loại, 1 số đồ dùng đồ chơi độ bền không cao.

Đồ dùng, thiết bị, đồ chơi hiện đại còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát) | Điều kiện để thực hiện | Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành | Dự kiến kinh phí |
|--|--|------------------------|------------------------------------|------------------|
| Khuyến khích GV tự làm đồ dùng dạy học và tích cực sử dụng đồ dùng | Cán bộ, giáo viên | không | Trong các năm học | Không |
| - Tham mưu với các cấp có thẩm quyền, địa phương và hội phụ huynh hỗ trợ kinh phí để mua sắm thêm một số đồ dùng hiện đại. - Bồi dưỡng, tập huấn cho giáo viên cách sử dụng và làm đồ dùng đồ chơi. | Hiệu trưởng | | tháng 8 hằng năm | 70 triệu đồng |

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|---------|----------------|---------|----------------|---------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | * | Đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | ----- | |
| c | Đạt | c | Đạt | ----- | |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật.

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ.

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường

Mức 2

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có khu vệ sinh xây dựng đúng quy cách, riêng biệt cho giáo viên và trẻ. Khu vệ sinh dành cho giáo viên có diện tích 15m², được chia thành 2 khu riêng cho nam và nữ. Khu vệ sinh dành cho học sinh khép kín có diện tích bình quân 15m²/lớp, được chia thành 2 khu riêng cho nam và nữ đối với mẫu giáo, được trang bị vòi nước rửa tay; chỗ đi tiêu và bệ xí cho trẻ em trai và trẻ em gái; có nhà bô đối với nhà trẻ được trang bị vòi nước rửa tay; ghế ngồi bô; có thể bố trí máng tiêu, bệ xí phù hợp với trẻ 24 - 36 tháng. Khu vệ sinh của giáo viên và trẻ đều là khu vệ sinh tự hoại, xây dựng kiên cố, đảm bảo tiêu chuẩn, an toàn, sử dụng thuận tiện, hàng ngày được quét dọn, vệ sinh sạch sẽ không bốc mùi gây ô nhiễm môi trường. [H3-3.6-01]

b) Hệ thống cung cấp nước sạch đáp ứng quy định tại khoản 1, khoản 3, Điều 5 - Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học, cụ thể: Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch trong ăn uống và sinh hoạt bảo đảm tiêu chuẩn về nước ăn uống theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 01:2009/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 04/2009/TT-BYT ngày 17/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống; về nước sinh hoạt theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 02:2009/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt. [H3-3.6-02]

c) Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường, cụ thể: Có thùng đựng và phân loại rác thải đặt vị trí các khu vực góc sân và gần nhà bếp, hàng ngày được vận chuyển về nơi quy định khu gom rác của địa phương chuyển đi để xử lý.

Các dụng cụ thu gom rác thuận tiện cho làm vệ sinh hàng ngày. Tổ chức làm vệ sinh theo lịch chung của nhà trường. Khu vực trong và ngoài trường đảm bảo cảnh quan sạch sẽ, không bị ô nhiễm.[H3-3.6-03]

Mức 2

a) Khu vệ sinh của giáo viên được xây đảm bảo quy định, luôn vệ sinh sạch sẽ; phòng vệ sinh dành cho trẻ được xây dựng khép kín rất thuận tiện khi sử dụng, có diện tích là 15m², đảm bảo bình quân 0,4 m²/trẻ, có 2 ngăn dành cho bé trai và bé gái riêng biệt, phòng vệ sinh được khử trùng hàng ngày, quét dọn sạch sẽ, không bị bốc mùi, đủ ánh sáng và nước dùng vệ sinh, có đủ các dụng cụ làm vệ sinh, trong các nhà vệ sinh đều có vòi xịt, máng rửa tay, bệ xí, bồn ngồi và hệ thống ghế ngồi bồn cho trẻ nhỏ.[H3-3.6- 04]

b) Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học, cụ thể:

- Trường có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp; có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, khu vệ sinh; có hệ thống thùng đựng rác nắp đậy được phân bố hợp lý trên sân trường và các nhóm, lớp.

- Khu tập trung rác thải phải được bố trí cách biệt với nhà trường. Hàng ngày rác được thu gom, vận chuyển tới nơi xử lý tập trung. Không để rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường.[H3-3.6-05]

2. Điểm mạnh

Có công trình vệ sinh cho CB, GV, NV và trẻ riêng biệt. Công trình vệ sinh được quy hoạch ở vị trí phù hợp với cảnh quan trường, thuận tiện, an toàn, sạch sẽ.

Sử dụng 100% nước sạch cho sinh hoạt và khu vệ sinh; việc thu gom rác thải đảm bảo yêu cầu.

3. Điểm yếu

Hệ thống thoát nước khu A trong những ngày mưa kéo dài còn thoát nước chậm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát) | Điều kiện để thực hiện | Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành | Dự kiến kinh phí |
|---|---|-------------------------------|---|-------------------------|
| Thường xuyên vệ sinh và thông hệ thống thoát nước | BGH, PH trẻ | | Trong đầu năm học | 3triệu |

| | | | | |
|--|--|--|-----------|--|
| | | | 2023-2024 | |
|--|--|--|-----------|--|

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|---------|-------------------|---------|-------------------|---------|-------------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | ----- | |
| b | Đạt | b | Đạt | ----- | |
| c | Đạt | ----- | | ----- | |
| Đạt | | Đạt | | | |

Kết quả: Đạt mức 2

Kết luận tiêu chuẩn 3

1. Điểm mạnh

Khuôn viên của nhà trường được quy hoạch rất rõ ràng, hợp lý. Có cổng trường, biển trường và tường bao quanh theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non đảm bảo an toàn và thẩm mỹ. Diện tích của trường đảm bảo yêu cầu.

Đủ số lượng phòng học theo quy định. Chất lượng và thiết bị của phòng học đảm bảo quy định của Điều lệ trường Mầm non. Nhà trường có đủ phòng phục vụ học tập, phòng hành chính theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

Có đầy đủ các loại máy văn phòng (máy tính, máy in) phục vụ công tác quản lý và giảng dạy, máy tính nối internet phục vụ các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Nhà trường có công trình vệ sinh riêng cho CB, GV, NV, trẻ. Công trình vệ sinh được quy hoạch ở vị trí phù hợp với cảnh quan trường học, thuận lợi, an toàn, sạch sẽ.

Có nhà để xe cho CB, GV, NV đảm bảo an toàn, thuận tiện.

Có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của CB, GV, NV và trẻ; hệ thống thoát nước, thu gom rác đảm bảo yêu cầu.

2. Điểm yếu

Đồ dùng trang thiết bị đầu tư cho các phòng chức năng chưa được hiện đại. Một số đồ dùng chưa có độ bền khi sử dụng.

Số tiêu chí đạt: 6/6, trong đó:

+ Số tiêu chí đạt mức 1: 6

+ Số tiêu chí đạt mức 2: 6

+ Số tiêu chí đạt mức 3 :6

Kết luận tiêu chuẩn 3: 6/6 tiêu chí đạt mức 3.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Nhà trường đã xây dựng tốt mối quan hệ giữa nhà trường - gia đình - xã hội để cùng chăm lo cho sự nghiệp giáo dục mầm non và đã nhận được sự quan tâm phối hợp có hiệu quả của các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội; các bậc CM trẻ và cộng đồng nhân dân trong việc quản lý tổ chức thực hiện hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ trong nhiều năm qua. Ban đại diện CM trẻ được tổ chức và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện CM trẻ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, là tổ chức hỗ trợ đắc lực nhà trường trong hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Các tổ chức trong và ngoài nhà trường đã phối hợp tốt việc tổ chức, thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường, cũng như việc đầu tư cơ sở vật chất ngày một khang trang đáp ứng được yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chính nhờ có sự chỉ đạo chặt chẽ, đồng bộ từ phía Đảng và Chính quyền địa phương, sự phối hợp giữa nhà trường và Ban đại diện CM trẻ cùng các ban ngành đoàn thể xã hội mà chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ của nhà trường đã không ngừng được cải tiến nâng cao và đạt hiệu quả tốt; đồng thời đã huy động được một nguồn lực lớn về tinh thần, vật chất, góp phần xây dựng Trường mầm non Trục Thăng ngày một phát triển đi lên.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Trường có Ban đại diện cha mẹ trẻ của từng lớp và Ban đại diện cha mẹ trẻ của trường; tổ chức và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Vào đầu mỗi năm học, giáo viên chủ nhiệm lớp tổ chức họp toàn thể cha mẹ trẻ để bầu Ban đại diện cha mẹ trẻ của nhóm, lớp gồm 3 thành viên: 01 trưởng ban, 01 phó trưởng ban và 01 thư ký. Ban đại diện CM trẻ của trường gồm 16 trưởng Ban đại diện CM trẻ của các lớp. Trong Ban đại diện CM trẻ của trường cử ra 3 thành viên gồm: 01 trưởng ban, 01 phó trưởng ban và 01 ủy viên kiêm thư ký. Căn cứ kết quả bầu Ban đại diện cha mẹ trẻ, Hiệu trưởng nhà trường ra Quyết định công nhận số 07/QĐ/TrMN ngày 17/9/2019 về việc thành lập ban đại diện hội CM trẻ. Ban đại diện CM trẻ có tổ chức, nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh (Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011) [H4- 4.1-01].

b) Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để ban Ban đại diện CM trẻ hoạt động theo đúng quyền, nhiệm vụ của Điều lệ Ban đại diện CMHS. Ban đại diện CM trẻ có kế hoạch hoạt động theo từng năm học trong đó nêu rõ các nhiệm vụ cụ thể, mục tiêu phấn đấu, giải pháp thực hiện các nhiệm vụ, thời gian thực hiện các nhiệm vụ đó. Trong các cuộc họp Ban đại diện cha mẹ trẻ đều có biên bản thống nhất về các hoạt động phối hợp với nhà trường về công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ và công tác tuyên truyền vận động kêu gọi tài trợ tăng cường cơ sở vật chất trang thiết bị đáp ứng với nhu cầu thực tiễn sử dụng của nhà trường. [H4-4.1-02]

c) Mỗi năm, trường đều tổ chức họp cha mẹ trẻ của các nhóm lớp. Ban ĐDCM trẻ của nhà trường họp thường kỳ theo chương trình hoạt động cả năm học và họp đột xuất khi có công việc với nhà trường. Ban cha mẹ trẻ tổ chức thực hiện kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch đúng tiến độ, công khai, dân chủ và có báo cáo tổng kết vào cuối năm học, nhận được sự đồng thuận của tất cả phụ huynh.[H4-4.1-03]

Mức 2

Ban đại diện cha mẹ học trẻ thường xuyên phối hợp với nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Ban đại diện cha mẹ trẻ đã phối hợp với nhà trường trong việc thực hiện công tác Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, tuyên truyền vận động 100% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo đến trường và 32,2 % trẻ em độ tuổi nhà trẻ đến nhóm lớp để được hưởng các quyền lợi chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục theo chương trình giáo

dục mầm non. Tham gia phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục như: các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động ngày lễ hội, hoạt động tham quan dã ngoại, trải nghiệm ngoài nhà trường, làm đồ dùng đồ chơi, tham gia tư vấn thiết kế cải tạo hệ thống sân vườn, thiết kế các góc hoạt động, các khu vui chơi.... Đặc biệt, ban đại diện cha mẹ trẻ đã phối hợp chặt chẽ với nhà trường, giáo viên chủ nhiệm trong việc chăm sóc sức khỏe; giáo dục lễ giáo; giáo dục và rèn kỹ năng sống, kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng xã hội cần thiết để hình thành nền nếp và những thói quen tốt cơ bản, thiết thực, gần gũi cho trẻ trong những năm đầu đời;

Trong các cuộc họp, Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp với nhà trường trong việc tuyên truyền những kiến thức về pháp luật, chủ trương chính sách đối với giáo dục như: Luật Giáo dục, Luật trẻ em, Điều lệ trường mầm non, các Thông tư quy định về đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị của trẻ mầm non, Thông tư về chế độ của trẻ thuộc diện vùng khó khăn, trẻ khuyết tật, hộ nghèo, cận nghèo, trẻ mồ côi, các Thông tư về phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống bạo lực học đường... để đồng đảo cha mẹ trẻ và cộng đồng biết được các quyền của trẻ em và trách nhiệm của cha mẹ trẻ trong hoạt động phối hợp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. [H4-4.1-04]

Mức 3

Ban đại diện cha mẹ trẻ đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS. Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện cha mẹ hoạt động theo đúng quyền, nhiệm vụ đã được quy định tại điều 4,6 của Điều lệ Ban đại diện CMHS; phối hợp với nhà trường vận động các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm ủng hộ tài trợ bằng hiện vật và kinh phí để bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị đồ dùng đồ chơi phục vụ hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ theo nhu cầu sử dụng. Trong các cuộc họp, hội nghị quan trọng như hội nghị công chức viên chức, khai giảng năm học, tổng kết năm học Ban ĐDCM trẻ đều tham dự và đóng góp ý kiến xây dựng các nhiệm vụ của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.[H4-4.1-05]

2. Điểm mạnh

Mỗi lớp học có một Ban đại diện cha mẹ trẻ thường xuyên quan tâm đến các hoạt động, phong trào của lớp, của trường. Ban đại diện cha mẹ trẻ của nhà trường luôn luôn phối kết hợp chặt chẽ với nhà trường cũng như đại diện cha mẹ của từng lớp, góp phần đẩy mạnh các phong trào chung của nhà trường, đặc biệt, công tác xã hội hoá giáo dục kêu gọi vận động tài trợ cho nhà trường xây dựng trường mầm non

Trực Thăng khang trang đảm bảo cơ sở vật chất trang thiết bị đảm bảo các điều kiện trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn.

Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn tạo được sự đồng thuận cao của phụ huynh toàn trường trong mọi hoạt động.

3. Điểm yếu

Một số cha mẹ trẻ đi làm công ty gửi con cho ông bà chăm sóc đưa đón nên chưa nắm bắt được các nội dung, kế hoạch hoạt động của lớp, của trường do đó việc phối kết hợp một số nội dung chăm sóc giáo dục trẻ còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát) | Điều kiện để thực hiện | Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành | Dự kiến kinh phí |
|--|--|---|------------------------------------|------------------|
| Bố trí, sắp xếp thời gian tổ chức cuộc họp hợp lý. | BGH, BDD CM TRẺ | | Hàng năm | 2 triệu đồng |
| Thông báo kế hoạch của lớp, của trường tới phụ huynh vắng bằng hình thức khác: Trao đổi thông tin qua các nhóm Zalo, facebook của trường, lớp, điện thoại trao đổi trực tiếp | GVCN | Cha mẹ trẻ có điện thoại di động, máy tính kết nối Internet | Hàng năm | |
| Phân công cho các đ/c GVCN chủ động phối hợp với cha mẹ trẻ. | BGH, GVCN | | Hàng năm | |

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|---------|----------------|---------|----------------|---------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | * | Đạt | * | Không đạt |
| b | Đạt | ----- | | ----- | |
| c | Đạt | ----- | | ----- | |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền, để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hàng năm nhà trường có tờ trình, kế hoạch đề xuất với UBND xã về các hoạt động lớn trong năm học được thông qua hội đồng nhân dân và được UBND nhất trí phê duyệt.

Nhà trường phối hợp với ban đại diện cha mẹ trẻ và các cấp chính quyền về tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương chính sách của Đảng, nhà nước của ngành giáo dục và kế hoạch giáo dục của nhà trường trên loa phát thanh của xã và trên các phương tiện thông tin quần chúng.[H2-4.2-01]

b) Qua các cuộc họp cha mẹ trẻ, thông qua tuyên truyền bằng loa phát thanh của xã và qua trao đổi giữa cán bộ, giáo viên và cha mẹ nhà trường đều đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục mầm non, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường như: quyền lợi và trách nhiệm của cha mẹ học sinh trong việc phối hợp với giáo viên chủ nhiệm và nhà trường trong

các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ, những điểm mới của ngành giáo dục, kế hoạch, chiến lược phát triển nhà trường... để nhân dân địa phương, các tổ chức cá nhân nâng cao trách nhiệm của mình trong việc phát triển toàn diện nhà trường. [H2-4.2-02]

c) Hàng năm nhà trường đều có kế hoạch huy động các nguồn lực hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm để phục vụ việc dạy- học, việc tăng cường cơ sở vật chất, cụ thể số tiền huy động trong 5 năm gần đây:

| Năm học | Tổng số tiền huy động (triệu đồng) |
|-----------|------------------------------------|
| 2018-2019 | 147.190.000 |
| 2019-2020 | 140.000.000 |
| 2020-2021 | 132.300.000 |
| 2021-2022 | 141.450.000 |
| 2022-2023 | 148.160.000 |

Số tiền huy động được để bổ sung CSVCS như: nâng cấp cải tạo thiết kế hệ thống sân vườn, sửa chữa nâng cấp bếp ăn và làm mái che đồ chơi, mua sắm trang thiết bị đồ dùng các phòng chức năng và bếp ăn, mua bổ sung đồ dùng nuôi bán trú, làm cửa chống côn trùng nhà bếp 2 khu, làm mái che sân khấu khu A theo đúng quy định. [H4-4.2-03]

Mức 2

a) Nhà trường đã tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện để từng bước thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển. Năm học 2022- 2023 tham mưu với chính quyền địa phương mở rộng quy hoạch diện tích đất, đầu tư xây dựng mới 8 phòng học và phòng chức năng, mở rộng sân chơi đảm bảo đủ diện tích theo quy chuẩn quốc gia. [H4-4.2-04]

b) Hàng năm, nhà trường đã phối hợp cùng với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh của xã và các ban ngành ở địa phương tổ chức các hoạt động ngày lễ hội cho trẻ ngày Tết Trung thu, ngày hội tri ân cô giáo (20/11), ngày hội của bà của mẹ (8/3), ngày tết thiếu nhi 1/6... Phối hợp với Ban công an xã xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự trường học, an ninh trật tự trong các dịp Tết, kí cam kết chấp hành luật An toàn giao thông, các tệ nạn xã hội phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ. Phối hợp với trạm Y tế xã trong công tác chăm sóc sức khỏe cho trẻ; phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, về phòng chống bạo lực học đường, tư vấn cách chăm sóc nuôi dạy con theo khoa học. Phối

hợp với chi Đoàn nhà trường để chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ, tìm hiểu các phong tục, văn hóa địa phương, thăm hỏi gia đình thương binh liệt sĩ; quyên góp ủng hộ các trẻ có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em khuyết tật và trẻ em nghèo miền núi, vùng lũ lụt...[H4-4.2-05]

Mức 3

Hàng năm nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức, đoàn thể xã hội, cha mẹ trẻ, các cá nhân tham gia đóng góp ý kiến xây dựng các quy tắc ứng xử văn hóa, nếp sống văn hóa trong cơ quan trường học phù hợp với đặc thù của trẻ lứa tuổi mầm non, từng bước tiếp cận, xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục, một địa chỉ uy tín, tin cậy của Đảng chính quyền địa phương; cha mẹ học sinh và cộng đồng nhân dân. Năm 2014 nhà trường đã được UBND huyện công nhận là đơn vị đạt chuẩn văn hóa. [H4-4.2-06]

2. Điểm mạnh

Đảng ủy, HĐND, UBND xã Trục Thắng, Phòng Giáo dục và Đào tạo Trục Ninh luôn quan tâm, chỉ đạo sát sao trong các hoạt động và phong trào của nhà trường, nhất là định hướng xây dựng trường chuẩn quốc gia, trường Xanh- Sạch- Đẹp- An toàn.

Các tổ chức, ban ngành đoàn thể địa phương luôn quan tâm và có sự phối kết hợp trong các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ với nhiều hình thức phong phú cả về vật chất và tinh thần, tạo động lực cho nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Nhà trường đã huy động được sự ủng hộ tự nguyện từ phía cha mẹ trẻ, các tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm về vật chất và tinh thần để tăng cường CSVC, mua sắm trang thiết bị đồ dùng đồ chơi phục vụ các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, hỗ trợ và kịp thời động viên cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt thành tích xuất sắc trong năm học, quan tâm với những trẻ có hoàn cảnh khó khăn.

Mọi hoạt động trong nhà trường luôn có sự phối kết hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể và các cá nhân nên các hoạt động và phong trào đều phát triển tốt, đạt chất lượng hiệu quả cao.

3. Điểm yếu

Điều kiện kinh tế của địa phương còn khó khăn nên việc bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát) | Điều kiện để thực hiện | Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành | Dự kiến kinh phí |
|--|--|-------------------------------|---|-------------------------|
| Tiếp tục huy động sự giúp đỡ của các nhà hảo tâm, các tổ chức XH. | BGH, CBGVNV, BCMHS | Văn bản có phê duyệt UBND | Các năm học | 215.000 triệu đồng |
| Đẩy mạnh việc tuyên truyền để nâng cao nhận thức về trách nhiệm của cộng đồng đối với sự nghiệp giáo dục mầm non | BGH, CBGVNV, CM trẻ | Loa phát thanh, bảng tin | Các năm học | |

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|---------|----------------|---------|----------------|---------|----------------|
| Chi báo | Đạt/ Không đạt | Chi báo | Đạt/ Không đạt | Chi báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | * | Đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | ----- | |
| c | Đạt | ----- | | ----- | |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

Kết quả: Đạt mức 3

Kết luận tiêu chuẩn 4

Nhà trường thực hiện tốt công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm học; luôn tạo được mối quan hệ tốt với CM trẻ và thường xuyên phối hợp với các tổ chức, đoàn thể ngoài nhà trường, xã hội; tạo được sự tác động đồng bộ về nhiều phương diện và sự thống nhất cao trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ.

Nhà trường đã huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện theo quy định của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất, tăng cường mua sắm đồ dùng đồ chơi trang thiết bị phục vụ hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục, và kịp thời động viên khen thưởng giáo viên và trẻ có thành tích cao trong công tác và học tập, hỗ trợ trẻ em nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

Thường xuyên tuyên truyền với nhiều nội dung và hình thức để tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng nhân dân về mục tiêu, nội dung, hoạt động và cách đánh giá sự phát triển của trẻ tạo điều kiện cho CM trẻ và cộng đồng tham gia thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền, phối hợp với các lực lượng xã hội, và nhân dân địa phương để nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ đảm bảo mục tiêu trẻ phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, tiếp tục tăng cường CSVC, trang thiết bị đồ dùng đồ chơi phục vụ các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ của nhà trường.

Số tiêu chí đạt: 2/2, Trong đó

+ Số tiêu chí đạt mức 1: 2

+ Số tiêu chí đạt mức 2: 2

+ Số tiêu chí đạt mức 3: 2

Kết luận tiêu chuẩn 4: 2/2 tiêu chí đạt mức 3.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ

Mở đầu

Nhà trường luôn thực hiện đầy đủ chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ theo đúng quy định, tổ chức hiệu quả các hoạt động chuyên môn để cải tiến phương pháp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Tăng cường tổ chức các hoạt động tập thể, các hoạt động trải nghiệm thực hành cuộc sống tại nhà trường để phát huy tính chủ động, sáng tạo của trẻ.

Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của nhà trường được xây dựng bám sát Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có sự phát triển sáng tạo, linh hoạt phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ. Kế hoạch năm học đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Trục Ninh phê duyệt và được phổ biến công khai đến giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng. Hằng năm đều rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả của các biện pháp thực hiện kế hoạch nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Trong 5 năm qua, kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường đạt ở mức tốt.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện chương trình giáo dục mầm non

Mức 1

a) Tổ chức thực hiện giáo dục mầm non theo kế hoạch

b) Nhà trường phát triển chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;

c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời và phù hợp.

Mức 2

a) Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;

b) Nhà trường phát triển chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành phù hợp văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo thông tư số 28/2016/TT - BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Phân phối chương trình giáo dục mầm non trong năm học dựa vào khung phân bố thời gian của Bộ Giáo dục và Đào tạo, khung thời gian kế hoạch của UBND tỉnh Nam Định; Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục và chuyên đề trọng tâm được hiệu trưởng phê duyệt. Căn cứ vào kế hoạch chỉ đạo chuyên môn của nhà trường, các nhóm lớp xây dựng kế hoạch của lớp mình và tổ chức thực hiện chương trình theo kế hoạch. Nhà trường thường xuyên kiểm tra việc tổ chức các hoạt động. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo tổ, đánh giá rút kinh nghiệm tìm ra cách khắc phục, có ghi chép biên bản. Viết báo cáo tổng kết năm học có nội dung rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình. [H5-5.1-01]

b) Nhà trường thực hiện chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục như: Triển khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nắm rõ và thực hiện nghiêm túc các quy chế chuyên môn; thường xuyên theo dõi và nhắc nhở những

thành viên thực hiện chưa tốt; khuyến khích những giáo viên có phương pháp đổi mới trong công tác giáo dục trẻ. Nhà trường phát triển chương trình giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện nhà trường và đặc điểm văn hóa địa phương cũng như phù hợp với nhận thức của trẻ: Lựa chọn những mục tiêu trong kết quả mong đợi của chương trình giáo dục mầm non xây dựng kế hoạch nhà trường, của nhóm lớp phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. [H5-5.1-02]

c) Dựa trên kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non của nhà trường cũng như của các nhóm lớp, nhà trường đã tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện theo 2 lần/năm đối với từng độ tuổi vào thời điểm kết thúc học kì I và kết thúc học kì II. Công tác tổ chức và tiến hành tổ sinh hoạt chuyên môn của nhà trường đã đạt hiệu quả. Có phương hướng điều chỉnh kế hoạch sau mỗi chủ đề thực hiện. [H5-5.1-03]

Mức 2

a) Để đảm bảo chất lượng trong việc tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non nhà trường đã triển khai thực hiện tới các nhóm lớp theo dõi, ghi chép kết quả của trẻ thông qua nhật ký ngày, nhật ký chủ đề và đánh giá sự phát triển của trẻ dựa vào các mục tiêu đưa ra của từng chủ đề. Tổ chức các hoạt động vui chơi ngoài trời, các hoạt động trải nghiệm, tận dụng các tình huống thật để giáo dục trẻ kỹ năng sống, giúp trẻ “Học mà chơi, chơi bằng học” để phát triển toàn diện. Tổ chuyên môn kiểm tra, đánh giá trẻ theo từng kì để chất lượng được nâng lên. [H5-5.1-04]

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ nhà trường đã xây dựng kế hoạch lễ hội trong năm và các nhóm lớp xây dựng kế hoạch giáo dục của có lồng ghép các yếu tố liên quan đến văn hóa của địa phương, vùng miền. Kế hoạch của nhà trường có sự cân đối hài hòa giữa các nội dung giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội, nhận thức, thể chất, thẩm mỹ, đảm bảo cho trẻ được phát triển toàn diện. Các hoạt động giáo dục như dạy kỹ năng sống, tổ chức các hoạt động ngày hội, ngày lễ như “Tết trung thu”; “Tết cổ truyền”; “Ngày hội đến trường”; “Quốc tế thiếu nhi”, “Ngày hội của bà, của mẹ”,... phù hợp với nền văn hóa của địa phương, đáp ứng nhu cầu và khả năng của trẻ, tạo điều kiện cho trẻ phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo. [H5-5.1-05]

Mức 3

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo mô hình giáo dục STEAM, Montessori phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương; áp dụng một phần mô hình giáo dục Montessori tại 100% các nhóm lớp trong việc tổ chức các hoạt động thực hành

cuộc sống, góc văn học. Áp dụng mô hình giáo dục STEAM tại 100% các nhóm lớp.

Nhà trường sử dụng phần mềm học tập dành cho các bé mẫu giáo KidSmart Tập đoàn Riverdeep (Mỹ) với phiên bản tiếng Việt và Anh giúp trẻ tiếp thu tri thức nhân loại, phát triển kỹ năng toàn diện và phát huy tính sáng tạo. Với quan điểm thiết kế lấy học sinh làm trung tâm, nhà sản xuất đã chia Kidsmart thành 5 nội dung: Ngôi nhà toán học, Ngôi nhà khoa học, Ngôi nhà không gian và thời gian, Ngôi nhà sách và Những đồ vật biết nghĩ. Thực tế áp dụng cho thấy, việc kết hợp học và chơi đã giúp trẻ em tiếp thu kiến thức một cách rất hiệu quả.

Nhà trường triển khai đăng ký hệ thống sách, video tham khảo làm quen tiếng anh cho trẻ các độ tuổi theo danh mục sách, tham khảo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; xây dựng lịch cho trẻ các độ tuổi làm quen tiếng anh qua sách của Bộ Giáo dục và Đào tạo 2 buổi/tuần. Giúp trẻ bước đầu có khái niệm sơ đẳng về một số từ tiếng anh gắn gũi với các hoạt động, sự vật, hiện tượng...phù hợp với độ tuổi.

Ngoài ra nhà trường còn tham khảo chương trình giáo dục của một số các nước khác theo đúng quy định qua Internet, công thông tin điện tử...[H5- 5.1- 06]

b) Hằng năm, nhà trường tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường vào thời điểm sơ kết học kỳ I và kết thúc năm học. Cuối của từng chủ đề, giáo viên các nhóm lớp đều kiểm tra đánh giá kết quả chất lượng chăm sóc giáo dục bằng phiếu đánh giá cá nhân trẻ, bảng tổng hợp các lĩnh vực đã lựa chọn đưa vào thực hiện từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. [H5-5.1-07]

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng theo đúng quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và khả năng của trẻ, được phân công cụ thể cho từng tổ, nhóm chuyên môn triển khai tới từng giáo viên.

Nghiêm túc thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non đảm bảo theo đúng kế hoạch, chất lượng giáo dục, đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương.

Nhà trường đã phát triển Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với quy định về chuyên môn của Phòng Giáo dục và Đào tạo. Hằng năm, trong quá trình thực hiện chương trình, nhà trường luôn rà soát, đánh giá để có những điều chỉnh kịp thời, phù hợp phù hợp với bối cảnh địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ và điều kiện nhà trường.

3. Điểm yếu

Việc điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục trẻ, tổ chức các hoạt động theo hướng lấy trẻ làm trung tâm của một số giáo viên cao tuổi còn chưa sáng tạo, linh hoạt.

Phạm vi tham khảo và áp dụng chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và trên thế giới còn nhiều hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian hoàn thành | Dự kiến kinh phí |
|---|---------------------------|-------------------------------|-------------------------------------|-------------------------|
| Xây dựng kế hoạch giáo dục cụ thể, điều chỉnh nội dung phương pháp giáo dục kịp thời để tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. | BGH, CB, GV, NV | PHHS, các tổ nhóm chuyên môn | Tháng 9 | |
| Tiếp tục nâng cao chất lượng sinh hoạt của các tổ nhóm chuyên môn. Tổ chức bồi dưỡng thường xuyên, nâng cao kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục lấy trẻ làm trung tâm cho giáo viên. | BGH, GV | Các tổ nhóm chuyên môn | Tháng 9 | |
| Theo dõi, đánh giá các hoạt động sau khi đã điều chỉnh | BGH, Tổ trưởng chuyên môn | | Trong các tháng | |
| Có kế hoạch tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới qua tài liệu tập huấn, tài liệu sưu tầm và qua Internet. | BGH | GV | Thực hiện trong năm học 2023 - 2024 | |

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|---------|----------------|---------|----------------|---------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | a | Đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | b | Đạt |
| c | Đạt | --- | --- | --- | --- |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng.

Mức 1

a) Giáo viên tổ chức linh hoạt, sáng tạo các hoạt động cho trẻ bằng nhiều phương pháp khác nhau như: Quan sát, trò chuyện, tạo tình huống, bài tập kiểm tra, noi gương, thực hành trải nghiệm và trao đổi với phụ huynh học sinh. Nghiên cứu, lựa chọn các mục tiêu, nội dung trong chương trình giáo dục mầm non sửa đổi và xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với lứa tuổi trẻ mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo cũng như điều kiện thực tế của trường mầm non Trục Thắng. [H5-5.2-01]

b) Các khu vực trong nhà trường như: cầu thang, góc cây, hành lang... được quy hoạch theo hướng tận dụng các không gian (cầu thang được tận dụng làm góc thư viện cho trẻ, hành lang được các cô thiết kế thành góc thiên nhiên...) để cho trẻ hoạt động phù hợp, linh hoạt, đa dạng, phong phú, các góc hoạt động trong và ngoài lớp mang tính mở, tạo điều kiện cho trẻ dễ dàng lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi để trẻ được trải nghiệm tìm tòi, khám phá thế giới xung quanh, để trẻ thỏa sức sáng tạo theo nhu cầu, khả năng, thể mạnh của trẻ. [H5-5.2-02]

c) Giáo viên kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia trải nghiệm với phương châm “chơi mà học, học bằng chơi” giúp trẻ phát triển toàn diện về các lĩnh vực: Thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ, tình cảm và kỹ năng xã hội thông qua tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức như: trò chơi, khám phá, trải nghiệm, thí nghiệm, thử đoán đúng sai...; phối kết hợp với Ban đại diện cha mẹ tổ chức tốt các hoạt động tham quan, dã ngoại, tham gia các hoạt động ngày hội, ngày lễ. Tạo điều kiện, cơ hội, tận dụng hoàn cảnh, tình huống thật cho trẻ hoạt động trải nghiệm như cho trẻ tham quan và tham tra vào các hội chợ quê ngày Tết, tổ chức cho trẻ được trải nghiệm các trò chơi dân gian như: Kéo co, nhảy bao bố, mèo đuổi chuột, bịt mắt bắt dê... trò chơi vận động như: Bật sâu, bò chui qua cổng, đá bóng, ném bóng, chơi với các thiết bị chơi ngoài trời để giúp trẻ phát triển tốt về thể lực. Các hoạt động được tổ chức theo kế hoạch tổ chuyên môn và giáo viên đã xây dựng phù hợp với từng độ tuổi trên cơ sở căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường. [H5-5.2-03]

Mức 2

Nhà trường đã tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm cho trẻ qua các góc vui chơi ngoài trời mà nhà trường đã tạo theo kế hoạch chuyên đề “Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”. Tạo cơ hội cho trẻ được chủ động tham gia tích cực vào quá trình hoạt động để trẻ có hứng thú và chú ý hơn đến những điều trẻ được tiếp cận. Nhà trường tổ chức Hội chợ Xuân vào dịp Tết cổ truyền, tổ chức cho trẻ đi tham quan Đài chiến thắng, viếng nghĩa trang liệt sỹ, thăm trường tiểu học, Ủy ban nhân dân xã, tổ chức cho trẻ tham quan trại thu, tổ chức cho trẻ khối 4 và 5 tuổi tham quan trải nghiệm tại Ttkyx năng sống POKY, Bảo tàng Tỉnh Nam Định, tổ chức cho trẻ dự tiệc buffet 4 lần/ năm học vào dịp khai giảng, tết trung thu, lễ hội mùa xuân, quốc tế thiếu nhi.

Trong các hoạt động học ở từng chủ đề, giáo viên cũng tổ chức cho trẻ những hoạt động trải nghiệm thú vị: Chủ đề Thực vật, trẻ được thực hành trồng cây, chăm sóc và theo dõi sự phát triển của hạt nảy mầm; trẻ được thực hành ép hoa, lá khô; được tạo hình từ lá cây... Chủ đề Nước và các hiện tượng tự nhiên, giáo viên đã tổ chức cho trẻ được làm thí nghiệm: Đong đo nước, nóng lạnh, vật hòa tan, chìm nổi.[H5-5.2-04]

Mức 3

Nhà trường triển khai và tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp phù hợp với nhu cầu và khả năng của trẻ.

Đối với môi trường trong lớp: các góc chơi đa dạng, phong phú, được sắp xếp khoa học, theo hướng mở để trẻ có thể tự lựa chọn góc chơi, đồ chơi, vai chơi, trò chơi theo nhu cầu và khả năng của bản thân; tạo cơ hội cho mọi trẻ được tham gia vào các trò chơi, góc chơi; tổ chức đa dạng các loại trò chơi, các hoạt động để đáp ứng nhu cầu khám phá, học hỏi, sáng tạo của tất cả trẻ, phát triển năng lực cá nhân. Giáo viên đã sưu tầm, tận dụng các nguyên vật liệu có sẵn như các loại hạt gạo, nắp chai, que kem, cúc áo... vừa có thể làm nguyên liệu để trẻ sáng tạo ở góc tạo hình, vừa có thể học đếm ở góc học tập, hay khâu hạt ở góc vận động...

Đối với môi trường ngoài lớp: Hành lang các lớp học đều được bố trí góc thiên nhiên với rất nhiều loại cây, hoa phong phú để trẻ có thể tự tay gieo hạt, chăm sóc và theo dõi quá trình nảy mầm, tưới nước, nhổ cỏ, bắt sâu... ở góc thiên nhiên, trẻ còn được chăm sóc cá và tận mắt theo dõi sự lớn lên của các mỗi ngày. Không gian bên cạnh cầu thang được tận dụng làm góc thư viện với rất nhiều sách truyện hấp dẫn; các bức tường cầu thang đều trang trí các bài thơ, trưng bày các sản phẩm tạo hình của trẻ. Sân trường được bố trí góc dân gian, các gian hàng chợ quê, khu vui chơi cát nước...[H5-5.2-05]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tập trung xây dựng có hiệu quả môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học theo các nội dung, tiêu chí của chuyên đề lấy trẻ làm trung tâm theo Kế hoạch số 1165/KH-SGDĐT ngày 11/08/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định..

Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, lễ hội với những hình thức, nội dung phong phú, sâu sắc tạo cơ hội cho trẻ được trải nghiệm và hoạt động.

Được sự ủng hộ của cha mẹ trẻ và các đoàn thể trong việc tổ chức hoạt động dã ngoại, lễ hội, tiệc buffet hàng tháng.

3. Điểm yếu

Kinh phí của nhà trường còn hạn hẹp lên việc tổ chức hoạt động trải nghiệm chưa được nâng cao. Việc mua sắm thiết bị chơi ở các góc trải nghiệm cho trẻ ngoài trời còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Đẩy mạnh công tác tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, nhà trường tập trung thực hiện những công việc cụ thể sau:

| Giải pháp/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Dự kiến kinh phí |
|---|------------------------------|-----------------------------|---|------------------|
| Nâng cao chất lượng thực hiện chuyên đề “Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”. Tổ chức ngày hội, ngày lễ, tham quan dã ngoại cho trẻ phù hợp với điều kiện của trường. Phân đầu, trong năm học 2023-2024, tổ chức cho trẻ mẫu giáo tham quan các di tích lịch sử văn hóa trong huyện và mở rộng hơn là trong và ngoài tỉnh: như tham quan chùa Cổ Lễ, Bảo tàng Đồng Quê, Lăng Bác Hồ. | BGH | Giáo viên, trẻ và phụ huynh | Trong năm học 2023 - 2024 | 30.000000 |
| Tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục, huy động phụ huynh ủng hộ cả về vật chất và tinh thần xây dựng thêm một số góc chơi mới, mua sắm thiết bị . | BGH, Ban đại diện PHHS | Giáo viên, phụ huynh | Trong năm học 2023 - 2024 và các năm học tiếp theo. | |

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|---------|---------------|---------|----------------|---------|---------------|
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Đạt | * | Đạt | * | Đạt |
| b | Đạt | --- | --- | --- | --- |
| c | Đạt | --- | --- | --- | --- |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ như: 100% trẻ được tiêm vacxin, uống vitamin A theo quy định của ngành y tế vào 1/6; được các bác sĩ ở trạm y tế khám sức khỏe và uống thuốc tẩy giun theo định kỳ hàng năm 2 lần/năm vào tháng 6 và tháng 12. Nhà trường phối hợp với trạm y tế thường xuyên tuyên truyền cha mẹ trẻ phòng tránh một số loại dịch bệnh như: đau mắt đỏ, dịch tả, chân tay miệng ... bằng các biện pháp vệ sinh cá nhân trẻ, môi trường trong và ngoài nhóm lớp. [H5-5.3-01]

b) Nhân viên y tế nhà trường cùng với giáo viên phụ trách nhóm lớp có trách nhiệm đảm bảo 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Trẻ nhà trẻ 24-36 tháng cân đo theo quý. Trẻ mẫu giáo định kỳ 4 lần/năm vào tháng 9,11,2,5 hàng năm. Ban giám hiệu kiểm tra, tổng hợp vào sổ theo dõi sức khỏe nhà trường, hàng quý báo cáo. [H5-5.3-02]

c) Nhà trường có xây dựng kế hoạch khắc phục trẻ em suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì dựa vào bảng tổng hợp kết quả theo dõi sức khỏe của trẻ. 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì của nhà trường được can thiệp bằng những biện

pháp phù hợp (28 trẻ): với trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân, thấp còi được ăn thêm hoa quả, sữa chua, uống thêm sữa, tăng khẩu phần ăn mỗi bữa; Nhà trường phối hợp cùng các tổ chức xã hội như trạm y tế xã, hội phụ nữ, đoàn thanh niên, hội cựu chiến binh... phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ bằng các biện pháp: Tuyên truyền, phổ biến trực tiếp kiến thức về cách chăm sóc trẻ bị suy dinh dưỡng tới cha mẹ trẻ, tuyên truyền trên loa phát thanh, băng zôn, áp phích... Tình trạng dinh dưỡng của trẻ hàng năm đã được cải thiện hơn so với đầu năm, cụ thể: trẻ suy dinh dưỡng giảm 1 - 2%, .[H5-5.3-03]

Mức 2

a) Nhà trường đã kết hợp cùng với trạm y tế xã, Hội liên hiệp phụ nữ xã tổ chức các hoạt động tuyên truyền các gia đình về dinh dưỡng sức khỏe cho trẻ đồng thời tổ chức chuyên đề cho cha mẹ trẻ vào dịp họp phụ huynh học sinh đầu năm về dinh dưỡng và sức khỏe trẻ mầm non. Thành lập một tổ tư vấn để tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ về vấn đề liên quan sức khỏe của trẻ theo quý sau khi đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng, giáo viên thường xuyên trao đổi với cha mẹ trẻ về vấn đề liên quan đến sự phát triển thể chất và tinh thần của trẻ vào giờ đón, trả trẻ. [H5- 5.3- 04]

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại quyết định số 777/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2017 (điều chỉnh lại điểm d khoản 2 điều 1 thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT), cụ thể như sau: Xây dựng thực đơn phù hợp với thực phẩm sẵn có ở địa phương theo tuần, theo mùa. Tính khẩu phần ăn cân đối đảm bảo đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho trẻ nhưng vẫn phù hợp với mức đóng, nhu cầu kinh tế của địa phương. Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục Mẫu giáo: Một bữa chính và 2 bữa phụ; Nhà trẻ: Hai bữa chính một bữa phụ. [H5-5.3-05]

c) 100% trẻ em suy dinh dưỡng được can thiệp bằng các biện pháp nhằm cải thiện tình trạng suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì:

+ Đối với trẻ suy dinh dưỡng: Lên thực đơn cho trẻ với những món ăn phù hợp với trẻ, đảm bảo về chất lượng, cân đối giữa các nhóm chất dinh dưỡng, chăm sóc, động viên trẻ ăn hết xuất, cho những trẻ suy dinh dưỡng ngồi gần bạn có thói quen ăn tốt để trẻ động viên nhau trong khi ăn....

+ Đối với trẻ thừa cân, béo phì: Khuyến khích trẻ tích cực tham gia vận động, tăng cường các hoạt động cho trẻ bằng cách cho trẻ tham gia các công việc vừa sức, khuyến khích trẻ tham gia nhiều các hoạt động nhóm, tập thể như: Tham gia trò chơi vận động, biểu diễn aerobic, dân vũ...

Thực hiện chế độ ăn, ngủ cho trẻ đúng giờ giấc, không cho trẻ ngủ nhiều hơn so với thời gian quy định....

Hàng năm, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cải thiện so với đầu năm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm từ 3,8 xuống 2,8 %, thấp còi giảm còn 2,0%. [H5-5.3-06]

Mức 3

Nhà trường theo dõi sự phát triển của trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng, đánh giá lần 1 vào 25/09/2022, sau đó tổng hợp kết quả vào sổ theo dõi sức khỏe của nhà trường: hàng năm, trẻ phát triển bình thường cân nặng đạt 95,4%; phát triển bình thường chiều cao 98%. [H5-5.3-07]

2. Điểm mạnh

Trẻ khỏe mạnh, nhanh nhẹn. Số trẻ có chiều cao cân nặng phát triển bình thường đạt 98%. Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em hàng năm giảm 1-3%. 100% trẻ được tiêm vacxin, uống vitamin A theo quy định của ngành y tế. Được uống thuốc giun định kỳ vào 1/6 hàng năm.

Địa lý là một vùng nông thôn nên thức ăn chế biến cho trẻ đa số là tươi sống tạo điều kiện tốt cho việc chăm sóc sức khỏe trẻ.

Kết quả chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường luôn duy trì mức cao, sức khỏe của trẻ được đảm bảo, tạo điều kiện cho trẻ phát triển tốt về thể chất, tinh thần.

Việc phối kết hợp giữa nhà trường với cơ sở y tế địa phương rất tốt lên việc chăm sóc sức khỏe cho trẻ đạt hiệu quả cao.

3. Điểm yếu

Nhận thức của số ít phụ huynh còn hạn chế, chưa chú trọng đa dạng thực phẩm cho trẻ, chế độ dinh dưỡng chưa hợp lý dẫn đến tình trạng trẻ suy dinh dưỡng rất khó phục hồi.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Để có kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe tốt cho trẻ nhà trường tập trung thực hiện những công việc cụ thể sau:

| Giải pháp/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Dự kiến kinh phí |
|---|---------------------------|-----------------------------------|----------------------------|-------------------------|
| Tiếp tục phối hợp với trạm y tế, hội phụ nữ... tuyên truyền kiến thức | Nhà trường và các ban | Giáo viên, trạm y tế, hội phụ nữ, | | |

| | | | | |
|----------------------------|--------------|-------------|--|--|
| dinh dưỡng cho cha mẹ trẻ. | ngành xã hội | hội PHHS... | | |
|----------------------------|--------------|-------------|--|--|

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|---------|----------------|---------|----------------|---------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | * | Đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | --- | --- |
| c | Đạt | c | Đạt | --- | --- |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 100% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng.

Mức 1

a) Tỷ lệ chuyên cần của nhà trường tăng đều qua các năm. Hàng tháng, hàng quý, hàng năm nhà trường đều theo dõi, tổng hợp tỉ lệ chuyên cần của số trẻ 5 tuổi và dưới 5 tuổi ở từng nhóm lớp, từng khu. Tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt 100%, trẻ dưới 5 tuổi đạt 90-96%. Để đạt được kết quả đó nhà trường đã không ngừng nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, tham mưu các cấp lãnh đạo sửa chữa, đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng môi trường trong và ngoài lớp học an toàn, xanh - sạch - đẹp, để phụ huynh yên tâm đưa con đến trường. Bên cạnh đó, nhà trường còn tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh của địa phương, các buổi sinh hoạt của chi hội phụ nữ các xóm, hội nghị CM trẻ đầu năm học để tuyên truyền về tầm quan trọng của trẻ mầm non được đến trường. [H5- 5.4- 01]

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN hàng năm đều đạt 100%. Để trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt kết quả cao nhà trường và giáo viên đã có những biện pháp như: Đầu tư cơ sở vật chất các lớp 5 tuổi đầy đủ, đồ dùng đồ chơi đa dạng. Hiện nay, nhà trường có 4 lớp 5 tuổi với 8 giáo viên, 100% đều đạt chuẩn, trong đó 100% trên chuẩn. Đội ngũ giáo viên 5 tuổi của nhà trường có chuyên môn tốt, thường xuyên được cử đi học để nâng cao trình độ chuyên môn. Hàng tháng, hàng quý, nhà trường tổ chức họp mặt giáo viên khối 5 tuổi để rút kinh nghiệm, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm...Giáo viên theo dõi ghi chép vào sổ theo dõi cụ thể là nhật ký cuối ngày, nhật ký cuối chủ đề để điều chỉnh nội dung, cách tổ chức các hoạt động cho trẻ để trẻ có kiến thức tốt, sẵn sàng bước vào trường tiểu học. [H5- 5.4- 02]

c) Trường có 01 học sinh khuyết tật dạng vận động tham gia học hòa nhập luôn được giáo viên quan tâm, chăm sóc giúp trẻ dần hòa nhập tham gia các hoạt động cùng các bạn.

Mức 2

a) Nhà trường và giáo viên phối hợp với Ban đại diện cha mẹ thực hiện tốt công tác tuyên truyền huy động trẻ 5 tuổi và dưới 5 tuổi tới trường hàng năm đều đạt tỷ lệ 98%; tỷ lệ chuyên cần đạt 100% đối với trẻ 5 tuổi, 90-96% đối với trẻ dưới 5 tuổi. Nhà trường tuyên truyền tới cha mẹ trẻ qua các hội nghị họp PHHS, qua truyền thông và các ban ngành đoàn thể trong xã như hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, đoàn thanh niên...Tổng hợp kết quả theo dõi trẻ đến lớp vào cuối tháng. [H5- 5.4- 03]

b) Hàng năm, nhà trường có danh sách thống kê trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non, tổ chức thực hiện chương trình và theo dõi đánh giá trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch. Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non được đánh giá rất cao vào cuối năm học

do ban thi đua nhà trường phối hợp với giáo viên trường tiểu học đánh giá khảo sát tỷ lệ đạt 100%. Để có được kết quả đó nhà trường đã đi sâu vào nghiên cứu kỹ các nội dung giáo dục, mục tiêu, chỉ số phù hợp theo bộ chuẩn trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non, dựa vào kế hoạch của nhà trường mỗi giáo viên tham khảo xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với khả năng nhận thức của trẻ, khuôn viên của lớp, điều kiện cơ sở vật chất của trường giúp trẻ lĩnh hội tốt các kiến thức từ đó trẻ có tâm thế vững chắc bước vào lớp một. [H5- 5.4- 04]

c) Trường có 01 học sinh khuyết tật dạng vận động tham gia học hòa nhập luôn được giáo viên quan tâm, chăm sóc giúp trẻ dần hòa nhập tham gia các hoạt động cùng các bạn.

Mức 3

a) Nhà trường và giáo viên luôn làm tốt công tác chăm sóc giáo dục trẻ, đặc biệt là trẻ 5 tuổi. Công tác phối kết hợp với cha mẹ trẻ để giúp trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình của nhà trường đạt hiệu quả tốt. Tổng số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non của nhà trường hàng năm đều đạt 100%. [H5-5.4-05]

c) Trường có 01 học sinh khuyết tật dạng vận động tham gia học hòa nhập luôn được giáo viên quan tâm, chăm sóc giúp trẻ dần hòa nhập tham gia các hoạt động cùng các bạn.

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi và trẻ 3, 4 tuổi đạt tỉ lệ cao từ 96 - 98%

Tỉ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình là 100%

3. Điểm yếu

Tỉ lệ chuyên cần của trẻ nhà trẻ còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Để kết quả giáo dục được nâng cao nhà trường tập trung thực hiện những công việc cụ thể sau:

| Giải pháp/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Dự kiến kinh phí |
|---|--------------------|------------------------|---------------------|------------------|
| Tiếp tục đẩy mạnh công tác chăm sóc giáo dục trẻ để duy trì tỉ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi và nâng cao tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi đến trường. | BGH | GV | Năm học 2023-2024 | |

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|---------|----------------|---------|----------------|---------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | a | Đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | b | Đạt |
| c | Đạt | c | Đạt | --- | --- |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

Kết quả: Đạt mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Điểm mạnh

Nhà trường đã phát triển Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với quy định về chuyên môn của Phòng Giáo dục và Đào tạo. Hàng năm, trong quá trình thực hiện chương trình, nhà trường luôn rà soát, đánh giá để có những điều chỉnh kịp thời, phù hợp với bối cảnh địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ và điều kiện nhà trường.

Môi trường trong và ngoài lớp học được tổ chức theo hướng lấy trẻ làm trung tâm, phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

Kết quả chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường luôn duy trì mức cao, sức khỏe của trẻ được đảm bảo, tạo điều kiện cho trẻ phát triển tốt về thể chất, tinh thần.

Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, lễ hội với những hình thức, nội dung phong phú, sâu sắc tạo cơ hội cho trẻ được trải nghiệm và hoạt động.

Tỉ lệ chuyên cần mẫu giáo đạt tỉ lệ cao.

Tỉ lệ học sinh 5 tuổi hoàn thành chương trình đạt 100%.

Điểm yếu

Kỹ năng tổ chức chương trình GDMN và các hoạt động theo hướng lấy trẻ làm trung tâm của một số giáo viên cao tuổi chưa linh hoạt, sáng tạo, đạt kết quả chưa cao.

Tỉ lệ chuyên cần của trẻ nhà trẻ còn thấp.

Số tiêu chí đạt: 4/4, Trong đó:

+ Số tiêu chí đạt mức 1: 4

+ Số tiêu chí đạt mức 2: 4

+ Số tiêu chí đạt mức 3: 3

Kết luận tiêu chuẩn 5: 4/4 tiêu chí đạt mức 3.

PHẦN III. ĐÁNH GIÁ MỨC 4

1) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

Mô tả hiện trạng

Trong 05 năm liên tiếp năm học 2018-2019 mục tiêu phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường đã thực hiện nhưng chưa đạt kết quả theo kế hoạch đề ra, các năm tiếp theo đã hoàn thành tốt mục tiêu, phương hướng, chiến lược phát triển.

Mỗi năm điều chỉnh chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cho phù hợp với thực tế của trường, của địa phương đồng thời đảm bảo tiến độ thực thi kế hoạch đề ra. [H6-M.1-05].

Điểm mạnh

Trong 03 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường đề ra các năm đều được đạt danh hiệu trường tiên tiến.

Điểm yếu

Việc công khai chiến lược phát triển chưa nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các tổ chức và cá nhân ngoài nhà trường.

Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát) | Điều kiện để thực hiện | Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành | Dự kiến kinh phí |
|--|---|---|---|-------------------------|
| Thông báo chiến lược phát triển trong các cuộc họp CM trẻ Thông báo chiến lược phát triển trên hệ thống loa truyền thanh của địa phương. Tuyên truyền qua bảng tin hàng ngày của trường. | BGH, Hội đồng trường, GV. Ban văn hóa-thông tin của xã, GV | Hệ thống loa truyền thanh, hệ thống máy tính, Bảng tin nhà trường | Trong năm học 2023 - 2024. | 7 triệu |

5. Tự đánh giá

| | |
|-----------|----------------|
| Mức 4 | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| * | Không đạt |
| Không đạt | |

Kết quả: Không đạt mức 4

2) Ít nhất 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá, trong đó ít nhất 40% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 80% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mô tả hiện trạng

Trong 05 năm liên tiếp từ năm học 2014- 2015 đến năm học 2018 - 2019 số giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp của nhà trường có 100% giáo viên đạt mức khá trở lên, trong đó 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Chất lượng đội ngũ giáo viên tính đến năm học 2018- 2019, tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo của nhà trường đạt 100% (trong đó trình độ đại học, cao đẳng là 25 %) đã đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H6-M.1- 02]

Điểm mạnh

Đội ngũ giáo viên nhiệt tình có năng lực chăm sóc giáo dục trẻ theo chương trình giáo dục mầm non.

100% GV trong nhà trường đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo. Giáo viên nhà trường vững vàng về chuyên môn, nhiệt tình tâm huyết; tích cực học hỏi chuyên môn, có uy tín đối với CM trẻ và có niềm tin với các cấp lãnh đạo, các ban ngành tại địa phương.

Điểm yếu

Tỉ lệ giáo viên đạt trên chuẩn chưa cao.

Tỉ lệ giáo viên đạt mức tốt còn đạt 20%

Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát) | Điều kiện để thực hiện | Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành | Dự kiến kinh phí |
|--|--|------------------------|------------------------------------|------------------|
| Xây dựng kế hoạch cử giáo viên đi học. Động viên giáo viên đi học | BGH | | Trong năm học 2023 – 2024 | |

| | | | | |
|---|---------------------------|--|--|--|
| nâng cao trình độ Tạo điều kiện về kinh phí, thời gian để giáo viên đi học. Có kế hoạch cụ thể đánh giá chất lượng đội ngũ giáo viên (thăm lớp, dự giờ, đánh giá các hội thi giáo viên dạy giỏi | BGH BGH BGH | | Trong năm học 2023 – 2024 Trong năm học 2023 – 2024 | |
|---|---------------------------|--|--|--|

Tự đánh giá:

| Mức 4 | |
|-----------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| * | Không đạt |
| | |
| Không đạt | |

Kết quả: Không đạt mức 4

3. Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi có diện tích đạt chuẩn hoặc trên chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường mầm non; có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.

Mô tả hiện trạng

Nhà trường có sân vườn và khu vực cho trẻ em chơi có diện tích đạt chuẩn hoặc trên chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường mầm non, cụ thể như sau:

- Sân chơi chung có diện tích 2.554 m²; trong đó khu A: 2.324 m², khu B: 230 m², đạt bình quân 5,88 m²/trẻ em (không tính đối với trẻ em dưới 12 tháng);

+ Sân chơi chung ngoài trời bao gồm đường ngoằn ngoèo 20m, bể chơi cát nước, sân chơi giao thông 30m;

+ Sân tập thể dục có tiêu chuẩn diện tích 0,8 m²/trẻ em nhưng không lớn hơn 120 m²;

+ Sân chơi của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo; Diện tích sân chơi riêng được tính từ 1,0 m²/trẻ em đến 1,5 m²/trẻ em (đối với nhà trẻ) và từ 2 m²/trẻ em đến 2,5 m²/trẻ em (đối với lớp mẫu giáo) và được bố trí theo từng nhóm - lớp;

+ Trong sân vườn của trường mầm non có bố trí một khu vườn rau, khu chăn nuôi để trẻ em tập trồng trọt, chăm sóc với tiêu chuẩn diện tích 100 m².

- Nhà trường có bể chơi cát nước, các lớp có góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ em được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ em phát triển toàn diện.

Điểm mạnh

Có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ em được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ em phát triển toàn diện.

Khuôn viên của nhà trường được quy hoạch rõ ràng, hợp lý. Diện tích sân chơi chung, sân chơi ngoài trời, sân tập thể dục đã đảm bảo theo đúng quy định của Tiêu chuẩn Việt Nam đảm bảo an toàn và thẩm mỹ. Diện tích của trường đảm bảo yêu cầu.

Điểm yếu

Một số khu vực chơi ngoài trời chưa có sự khác biệt rõ nét so với các đơn vị trong huyện.

Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát) | Điều kiện để thực hiện | Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành | Dự kiến kinh phí |
|---|--|------------------------|------------------------------------|------------------|
| Tham mưu với Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo giới thiệu và tổ chức tham quan mô hình các trường mầm non quốc tế chất lượng cao trong nước | Sở Giáo dục, Phòng Giáo dục, BGH, GV, CM trẻ | | Các năm học | |

Tự đánh giá

| Mức 4 | |
|-----------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| * | Không đạt |
| Không đạt | |

Kết quả: Không đạt mức 4

4. 100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có phòng tư vấn tâm lý. Có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, trong đó tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ lứa tuổi mầm non.

Mô tả hiện trạng

100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ đảm bảo diện tích. [H3- M.1- 04]

Điểm mạnh

Có đủ số lượng phòng học, phòng chức năng được xây dựng kiên cố, đảm bảo quy định tại Điều lệ trường Mầm non;

Điểm yếu

Chưa có phòng tư vấn tâm lý.

Chưa có đầy đủ đồ dùng trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Chưa tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ em lứa tuổi mầm non.

Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát) | Điều kiện để thực hiện | Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành | Dự kiến kinh phí |
|---|--|------------------------|---|------------------|
| Tham mưu với UBND xã xây dựng bổ sung phòng tư vấn tâm lý. Làm tốt công tác xã hội hóa bổ sung CSVC, trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động GD, đặc biệt là các thiết bị chăm sóc, giáo dục dạy hiện đại. Xây dựng Kế hoạch tổ chức hai môn thể thao phù hợp cho trẻ mầm non. | BGH BGH, GV, CMT BGH | | Các năm học Năm học 2022-2023 | 1 tỉ đồng |

Tự đánh giá

| | |
|-----------|----------------|
| Mức 4 | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt |
| b | Không đạt |
| Không đạt | |

Kết quả: Không đạt mức 4

5. Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới; chương trình giáo dục thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương.

Mô tả hiện trạng

Việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới còn ở mức độ đang tham khảo và theo sự hướng dẫn chỉ đạo của do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo. Chương trình giáo dục phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;

Chương trình giáo dục thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ em; Chương trình giáo dục phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương.[H6- M.1- 01]

Điểm mạnh

Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực; Chương trình giáo dục phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương.

Điểm yếu

Việc điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường còn ở mức độ.

Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát) | Điều kiện để thực hiện | Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành | Dự kiến kinh phí |
|--|--|------------------------|------------------------------------|------------------|
| Tham mưu với các cấp lãnh đạo tuyển giáo viên để đủ số giáo viên trên lớp. | BGH | | Trong năm học 2023 – 2024 | |
| Cử giáo viên đi học nâng cao trình độ | BGH | | Trong năm học 2023 – 2024 | |
| Đề xuất với Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT mở những buổi tập huấn chuyên môn có áp dụng mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới. | BGH | | Trong năm học 2023 – 2024 | |

Tự đánh giá

| Mức 4 | |
|-----------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| * | Không đạt |
| Không đạt | |

Kết quả: Không đạt mức 4

6) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 02 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

Mô tả hiện trạng

Nhà trường phát triển tốt Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; Chương trình giáo dục phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương. [H6-M.1- 06]

Điểm mạnh

Tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục Mầm non đảm bảo theo đúng kế hoạch, chất lượng giáo dục, đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương.

Nhà trường đã phát triển Chương trình Giáo dục Mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với quy định về chuyên môn của Phòng Giáo dục và Đào tạo, với bối cảnh địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ và điều kiện nhà trường.

Điểm yếu

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 02 năm chưa đạt kết quả giáo dục cao.

Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát) | Điều kiện để thực hiện | Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành | Dự kiến kinh phí |
|--|---|-------------------------------|---|-------------------------|
| Xây dựng kế hoạch điều chỉnh nội dung phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ | BGH, CB, GV, NV | | Trong các năm học | |
| Tổ chức thực hiện theo kế hoạch có sự tham gia của các nhóm lớp | BGH, GV | | Trong các năm học | |
| Theo dõi, đánh giá các hoạt động sau khi đã điều chỉnh | BGH, Tổ trưởng chuyên môn | | Trong các năm học | |

Tự đánh giá

| Mức 4 | |
|-----------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| * | Không đạt |
| Không đạt | |

Kết quả: Không đạt mức 4

Kết luận về Mức 4

1. Điểm mạnh

Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, nhưng chưa có đủ điều kiện tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực; Chương trình giáo dục phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 2 năm nhà trường chưa hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển đề ra, các năm đều đạt danh hiệu trường tiên tiến và tiên tiến xuất sắc.

2. Điểm yếu

Là 1 địa phương nghề nghiệp nhân dân chủ yếu là thuần nông, điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, nguồn lực chi cho giáo dục chưa đáp ứng yêu cầu, đội ngũ giáo viên còn thiếu so với thông tư 06, một số giáo viên năng lực hạn chế nên đã ảnh hưởng 1 phần việc thực hiện chương trình giáo dục, mô hình giáo dục của nước ngoài.

Việc công khai chiến lược phát triển chưa nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các tổ chức và cá nhân ngoài nhà trường.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường chưa có 02 năm đạt kết quả giáo dục.

Mức 4:

Tiêu chí đạt: 0

Tiêu chí không đạt: 06

Kết luận: Không đạt mức 4

Phần IV. KẾT LUẬN CHUNG

Căn cứ theo các thông tư, công văn hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kiểm định chất lượng giáo dục đối với trường Mầm non, căn cứ kết quả hoạt động của nhà trường trong những năm qua, trường Mầm non Trục Thắng tự đánh giá về mức độ đáp ứng các quy định về tiêu chuẩn, thấy được các điểm mạnh, điểm yếu, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục trong tình hình mới.

Trên cơ sở nhận định mức độ đạt được, nhà trường kiện toàn lại hệ thống chính trị, điều chỉnh và bổ sung lại những mặt còn thiếu sót. Xây dựng lại lực lượng nòng cốt để điều hành bộ máy hoạt động theo những tiêu chuẩn giáo dục đã quy định.

- Số lượng các tiêu chí đạt: 25/25 Tỷ lệ: 100%
- Số lượng các tiêu chí chưa đạt: 0
- Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 25/25 Tỷ lệ : 100%

- Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 25/25 Tỷ lệ : 100%
- Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 19/19 Tỷ lệ : 100%
- Số lượng tiêu chí đạt mức 4: 0

Với kết quả tự đánh giá đạt 25/25 tiêu chí, tỷ lệ 100% (trong đó số lượng tiêu chí đạt mức 1: 25/25 đạt tỷ lệ 100%; số lượng tiêu chí đạt mức 2: 25/25 đạt tỷ lệ 100%; số lượng tiêu chí đạt mức 3: 19/19 đạt tỷ lệ 100%).

Trường mầm non Trục Thắng tự đánh giá đạt tỷ lệ 100%, đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, chuẩn Quốc gia mức độ 2, đạt chuẩn Xanh- Sạch- Đẹp-An toàn./.

Trục Thắng, ngày 25 tháng 5 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Đỗ Thị Lụa